

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2024-2025

Phòng số 1

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0001	Bùi Hà An		TB	LQĐ	P1	7.00	7.50		14.50	
2	0002	Bùi Thanh An		SM	LQĐ	P1	9.50	8.50		18.00	
3	0003	Đặng Việt An		TB	BM	P1	7.75	7.00		14.75	
4	0004	Đinh Hoài An		ĐQC	LQĐ	P1	6.75	7.25		14.00	
5	0005	Đinh Khánh An		ToH	VTS	P1	5.50	8.25		13.75	
6	0006	Đinh Vũ Bảo An		NLB	BM	P1	7.75	9.00		16.75	
7	0007	Đỗ Bảo An		BM	BM	P1	4.25	6.50		10.75	
8	0008	Đỗ Mai Thái An		NT	BM	P1	6.50	8.25		14.75	
9	0009	Đoàn Khánh An		BH	BM	P1	4.00	6.25		10.25	
10	0010	Đoàn Thị Tú An		HT	VTS	P1	7.75	7.50		15.25	
11	0011	Đồng Lê Bảo An		NLB	LQĐ	P1	7.00	8.25		15.25	
12	0012	Hồ Bảo An		ThB	LQĐ	P1	7.75	8.75		16.50	
13	0013	Hồ Hà An		NLB	BM	P1	4.50	6.50		11.00	
14	0014	Lê Đức An		NT	LQĐ	P1	8.00	8.00		16.00	
15	0015	Lê Nguyễn Bảo An		TB	LQĐ	P1	9.25	8.25		17.50	
16	0016	Lê Quyền An		TB	BM	P1	8.00	7.25		15.25	
17	0017	Lê Quyền An		TQT	LQĐ	P1	9.00	7.75		16.75	
18	0018	Lương Khánh An		ToH	BM	P1	6.00	7.00		13.00	
19	0019	Nguyễn Bảo An		ToH	LQĐ	P1	7.75	8.25		16.00	
20	0020	Nguyễn Bảo An		HT	LQĐ	P1	7.75	8.25		16.00	
21	0021	Nguyễn Bảo An		BH	LQĐ	P1	7.00	3.75		10.75	
22	0022	Nguyễn Bùi Hải An		BM	BM	P1	7.75	7.50		15.25	
23	0023	Nguyễn Chí An		VTS	VTS	P1	5.50	7.75		13.25	
24	0024	Nguyễn Đức An		NgC	BM	P1	8.25	6.25		14.50	
25	0025	Nguyễn Gia An		NT	VTS	P1	7.00	8.75		15.75	
26	0026	Nguyễn Hà An		TB	BM	P1	6.75	5.75		12.50	
27	0027	Nguyễn Hà An		VTS	VTS	P1	8.00	8.25		16.25	
28	0028	Nguyễn Hoàng Bảo An		ThB	BM	P1	8.00	8.00		16.00	
29	0029	Nguyễn Khuê An		BM	LQĐ	P1	8.50	8.75		17.25	
30	0030	Nguyễn Khuê An		VTS	LQĐ	P1	8.25	8.50		16.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0031	Nguyễn Khuê An		HT	VTS	P2	7.00	7.25		14.25	
2	0032	Nguyễn Thành An		BM	LQĐ	P2	8.50	6.25		14.75	
3	0033	Nguyễn Thiện An		TB	BM	P2	7.50	7.00		14.50	
4	0034	Nguyễn Trọng Trường An		Ngc	VTS	P2	6.75	4.50		11.25	
5	0035	Nguyễn Tuệ An		BM	BM	P2	4.00	6.50		10.50	
6	0036	Nguyễn Vĩnh An		HT	VTS	P2	7.75	5.50		13.25	
7	0037	Nguyễn Xuân Đào Bảo An		LTT	LQĐ	P2	8.00	6.75		14.75	
8	0038	Phạm Bảo An		NLB	BM	P2	6.50	7.50		14.00	
9	0039	Phạm Bảo An		ĐQC	VTS	P2	8.00	6.25		14.25	
10	0040	Phạm Nguyễn Bảo An		VTS	VTS	P2	8.25	8.00		16.25	
11	0041	Phạm Tâm An		NgC	LQĐ	P2	8.00	7.00		15.00	
12	0042	Phạm Trường An		PL	LQĐ	P2	7.50	6.75		14.25	
13	0043	Phạm Văn An		BH	BM	P2	6.50	3.75		10.25	
14	0044	Phan Bùi Gia An		NLB	BM	P2	8.00	6.75		14.75	
15	0045	Phan Hải An		NLB	LQĐ	P2	8.00	8.25		16.25	
16	0046	Phí Diệu An		LTT	VTS	P2	6.00	7.75		13.75	
17	0047	Quản Thị Khánh An		ToH	LQĐ	P2	8.50	8.00		16.50	
18	0048	Trần Đình Phúc An		BM	BM	P2	5.25	5.75		11.00	
19	0049	Trần Khánh An		ThB	BM	P2	7.00	6.75		13.75	
20	0050	Trần Mai An		ToH	VTS	P2	6.50	7.00		13.50	
21	0051	Trần Ngọc Bảo An		NLB	LQĐ	P2	6.50	6.75		13.25	
22	0052	Trịnh Bảo An		ToH	VTS	P2	8.00	6.75		14.75	
23	0053	Trương Nguyễn Bảo An		AT	BM	P2	6.25	6.75		13.00	
24	0054	Vũ Khánh An		ToH	VTS	P2	7.50	6.75		14.25	
25	0055	Vũ Nguyễn Bảo An		BM	BM	P2	1.50	7.25		8.75	
26	0056	Vũ Quý An		ToH	BM	P2	7.50	7.00		14.50	
27	0057	Đỗ Thiên Ân		LTT	LQĐ	P2	7.00	6.00		13.00	
28	0058	Hoàng Nguyễn Thành Ân		NLB	LQĐ	P2	6.50	7.00		13.50	
29	0059	Bùi Bảo Châu Anh		NLB	LQĐ	P2	6.50	7.25		13.75	
30	0060	Bùi Đức Anh		ToH	VTS	P2	7.75	7.25		15.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0061	Bùi Hoàng Bảo Anh		PL	VTS	P3	7.50	8.50		16.00	
2	0062	Bùi Ngọc Minh Anh		CVA	VTS	P3	8.50	7.25		15.75	
3	0063	Bùi Thị Diệu Anh		CT	BM	P3	7.50	8.75		16.25	
4	0064	Bùi Thị Bảo Anh		ThB	BM	P3	7.75	7.75		15.50	
5	0065	Bùi Thị Quỳnh Anh		TB	BM	P3	7.00	6.75		13.75	
6	0066	Bùi Việt Anh		ToH	VTS	P3	7.00	7.50		14.50	
7	0067	Đặng Bảo Anh		BM	LQĐ	P3	7.00	7.50		14.50	
8	0068	Đặng Diệp Anh		CT	BM	P3	7.75	7.00		14.75	
9	0069	Đặng Ngô Lâm Anh		LTT	VTS	P3	6.50	7.75		14.25	
10	0070	Đinh Hoài Anh		SM	BM	P3	6.50	7.00		13.50	
11	0071	Đinh Quỳnh Anh		VTS	BM	P3	7.50	6.50		14.00	
12	0072	Đỗ Trâm Anh		LTT	LQĐ	P3	7.00	7.50		14.50	
13	0073	Đoàn Bảo Anh		HT	VTS	P3	3.50	6.50		10.00	
14	0074	Đoàn Đức Anh		NgC	LQĐ	P3	7.00	6.50		13.50	
15	0075	Hà Quỳnh Anh		LTT	LQĐ	P3	8.25	8.50		16.75	
16	0076	Hoàng Quỳnh Anh		LTT	BM	P3	5.00	5.00		10.00	
17	0077	Hoàng Thị Minh Anh		SM	VTS	P3	7.50	6.50		14.00	
18	0078	Lê Bảo Anh		TB	BM	P3	6.00	7.50		13.50	
19	0079	Lê Công Đức Anh		NgC	VTS	P3	7.00	5.50		12.50	
20	0080	Lê Hà Anh		Ngc	VTS	P3	5.50	5.50		11.00	
21	0081	Lê Hùng Anh		ToH	BM	P3	4.50	7.00		11.50	
22	0082	Lê Nguyễn Quỳnh Anh		HT	VTS	P3	2.00	3.00		5.00	
23	0083	Lê Phạm Hoàng Anh		ThB	LQĐ	P3	6.50	6.25		12.75	
24	0084	Lê Phạm Hà Anh		NT	LQĐ	P3	7.25	8.25		15.50	
25	0085	Lương Hữu Tùng Anh		SM	LQĐ	P3	9.00	6.50		15.50	
26	0086	Mạc Lâm Anh		ToH	VTS	P3	4.50	4.75		9.25	
27	0087	Nghiêm Quỳnh Anh		NT	BM	P3	4.50	4.25		8.75	
28	0088	Nghiêm Trọng Việt Anh		ĐVT	BM	P3	3.50	4.00		7.50	
29	0089	Nguyễn Đức Anh		NT	VTS	P3	7.25	7.25		14.50	
30	0090	Nguyễn Hà Anh		TB	BM	P3	8.50	7.50		16.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0091	Nguyễn Kiều Anh		ĐVT	BM	P4	6.50	6.25		12.75	
2	0092	Nguyễn Minh Anh		VH	BM	P4	7.50	7.25		14.75	
3	0093	Nguyễn Minh Anh		NgC	BM	P4	8.50	6.75		15.25	
4	0094	Nguyễn Minh Anh		BM	BM	P4	7.50	7.00		14.50	
5	0095	Nguyễn Minh Anh		LTT	LQĐ	P4	6.50	7.50		14.00	
6	0096	Nguyễn Minh Anh		ThB	LQĐ	P4	8.00	7.25		15.25	
7	0097	Nguyễn Minh Anh		VH	LQĐ	P4	7.00	4.75		11.75	
8	0098	Nguyễn Ngọc Bảo Anh		ThB	BM	P4	5.00	7.00		12.00	
9	0099	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		NT	LQĐ	P4	6.50	8.00		14.50	
10	0100	Nguyễn Ngọc Đức Anh		TB	LQĐ	P4	8.00	7.00		15.00	
11	0101	Nguyễn Nhật Anh		SM	LQĐ	P4	6.00	7.00		13.00	
12	0102	Nguyễn Nhật Anh		TB	VTS	P4	7.00	7.50		14.50	
13	0103	Nguyễn Phương Anh		CVA	BM	P4	4.00	7.25		11.25	
14	0104	Nguyễn Phương Anh		ToH	LQĐ	P4	8.75	8.50		17.25	
15	0105	Nguyễn Phương Anh		AQ	LQĐ	P4	8.00	7.25		15.25	
16	0106	Nguyễn Phương Anh		NgC	VTS	P4	7.50	5.25		12.75	
17	0107	Nguyễn Phương Anh		ToH	VTS	P4	8.00	5.75		13.75	
18	0108	Nguyễn Thế Anh		HT	VTS	P4	7.00	7.25		14.25	
19	0109	Nguyễn Thị Minh Anh		HT	BM	P4	7.50	6.75		14.25	
20	0110	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		TB	BM	P4	6.75	7.00		13.75	
21	0111	Nguyễn Thị Diệu Anh		LTT	LQĐ	P4	9.50	8.00		17.50	
22	0112	Nguyễn Thị Phương Anh		SM	LQĐ	P4	8.25	8.00		16.25	
23	0113	Nguyễn Thị Lan Anh		PL	VTS	P4	3.50	4.25		7.75	
24	0114	Nguyễn Thị Ngọc Anh		SM	VTS	P4	7.50	8.50		16.00	
25	0115	Nguyễn Thị Mỹ Anh		ĐQC	VTS	P4	5.50	7.75		13.25	
26	0116	Nguyễn Trâm Anh		BH	BM	P4	6.50	8.25		14.75	
27	0117	Nguyễn Trâm Anh		ĐVT	VTS	P4	6.50	7.00		13.50	
28	0118	Nguyễn Tú Anh		BM	LQĐ	P4	8.13	7.25		15.38	
29	0119	Nguyễn Tuấn Anh		NgC	BM	P4	7.63	7.50		15.13	
30	0120	Nguyễn Tường Anh		ThB	VTS	P4	8.00	8.00		16.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0121	Nguyễn Việt Anh		ĐVT	BM	P5	7.50	7.00		14.50	
2	0122	Nguyễn Xuân Hải Anh		NLB	LQĐ	P5	5.75	6.50		12.25	
3	0123	Phạm Bảo Anh		ToH	LQĐ	P5	8.25	7.00		15.25	
4	0124	Phạm Hoàng Quỳnh Anh		VTS	VTS	P5	7.50	6.75		14.25	
5	0125	Phạm Lâm Anh		PL	VTS	P5	7.50	7.50		15.00	
6	0126	Phạm Lan Anh		NLB	BM	P5	6.00	7.75		13.75	
7	0127	Phạm Mai Anh		TB	LQĐ	P5	7.50	7.50		15.00	
8	0128	Phạm Minh Anh		NT	BM	P5	7.00	4.50		11.50	
9	0129	Phạm Nguyễn Trâm Anh		TB	VTS	P5	8.75	6.00		14.75	
10	0130	Phạm Nhật Anh		LTT	VTS	P5	6.50	7.00		13.50	
11	0131	Phạm Quỳnh Anh		BM	VTS	P5	6.63	7.50		14.13	
12	0132	Phạm Sỹ Nam Anh		BM	BM	P5	7.00	5.50		12.50	
13	0133	Phạm Thị Hà Anh		VTS	VTS	P5	7.75	7.50		15.25	
14	0134	Phạm Trâm Anh		VTS	VTS	P5	6.50	5.75		12.25	
15	0135	Trần Đức Anh		TM	BM	P5	6.50	8.00		14.50	
16	0136	Trần Hà Tú Anh		ToH	VTS	P5	8.00	8.75		16.75	
17	0137	Trần Minh Anh		SM	LQĐ	P5	7.50	6.75		14.25	
18	0138	Trần Minh Anh		SM	VTS	P5	5.00	7.25		12.25	
19	0139	Trần Ngọc Anh		ThB	BM	P5	2.50	6.25		8.75	
20	0140	Trần Việt Anh		ThB	BM	P5	6.75	4.50		11.25	
21	0141	Trương Quỳnh Anh		TK	LQĐ	P5	7.25	7.75		15.00	
22	0142	Vũ Đào Hà Anh		LTT	BM	P5	6.25	7.00		13.25	
23	0143	Vũ Diệp Anh		LTT	LQĐ	P5	8.00	8.50		16.50	
24	0144	Vũ Lâm Anh		NLB	BM	P5	7.50	7.75		15.25	
25	0145	Vũ Ngọc Anh		NT	LQĐ	P5	6.25	7.25		13.50	
26	0146	Vũ Nguyễn Bảo Anh		LTT	LQĐ	P5	8.00	8.00		16.00	
27	0147	Vũ Phạm Quỳnh Anh		HT	LQĐ	P5	7.50	7.75		15.25	
28	0148	Vũ Quỳnh Anh		VTS	VTS	P5	6.00	7.25		13.25	
29	0149	Vương Kim Anh		NLB	LQĐ	P5	5.50	7.50		13.00	
30	0150	Nguyễn Ngọc Ánh		ĐQC	VTS	P5	4.50	7.00		11.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0151	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		VH	BM	P6	7.50	6.75		14.25	
2	0152	Đỗ Xuân Bách		NLB	LQĐ	P6	7.75	5.50		13.25	
3	0153	Hoàng Thiên Bách		TB	VTs	P6	7.25	7.00		14.25	
4	0154	Lê Duy Bách		VTs	VTs	P6	8.25	7.25		15.50	
5	0155	Nguyễn Hoàng Bách		Ngc	VTs	P6	9.00	7.25		16.25	
6	0156	Phạm Hữu Bách		LTT	LQĐ	P6	9.00	8.25		17.25	
7	0157	Trần Hoàng Bách		NgC	LQĐ	P6	7.00	7.75		14.75	
8	0158	Lê Băng Băng		ThB	BM	P6	6.50	7.50		14.00	
9	0159	Đoàn Chí Bảo		SM	VTs	P6	8.25	6.00		14.25	
10	0160	Đoàn Gia Bảo		NLB	LQĐ	P6	8.25	7.50		15.75	
11	0161	Đoàn Ngọc Bảo		ToH	LQĐ	P6	9.50	8.00		17.50	
12	0162	Hồ Gia Bảo		BH	BM	P6	5.50	4.00		9.50	
13	0163	Lê Gia Bảo		TQT	VTs	P6	6.00	8.25		14.25	
14	0164	Ngô Gia Bảo		ThB	BM	P6	7.25	7.50		14.75	
15	0165	Nguyễn Đức Bảo		LTT	LQĐ	P6	9.00	8.25		17.25	
16	0166	Nguyễn Gia Bảo		NLB	BM	P6	7.00	6.75		13.75	
17	0167	Nguyễn Gia Bảo		SM	VTs	P6	7.25	6.00		13.25	
18	0168	Nguyễn Như Bảo		CT	BM	P6	6.50	6.00		12.50	
19	0169	Nguyễn Phúc Gia Bảo		BM	BM	P6	8.00	7.75		15.75	
20	0170	Nguyễn Quốc Bảo		BM	BM	P6	5.50	5.25		10.75	
21	0171	Nguyễn Trí Bảo		TM	LQĐ	P6	9.00	6.50		15.50	
22	0172	Phạm Gia Bảo		BM	LQĐ	P6	8.50	8.75		17.25	
23	0173	Phạm Hữu Quốc Bảo		NgC	LQĐ	P6	7.75	6.75		14.50	
24	0174	Phạm Tiến Bảo		ToH	VTs	P6	7.50	7.00		14.50	
25	0175	Trần Gia Bảo		VH	BM	P6	7.50	8.25		15.75	
26	0176	Vũ Gia Bảo		ThB	BM	P6	7.50	5.50		13.00	
27	0177	Đoàn Nguyễn Ngọc Bích		ToH	VTs	P6	8.00	6.75		14.75	
28	0178	Hoàng Ngọc Bích		TB	VTs	P6	6.00	6.25		12.25	
29	0179	Lê Hoàng Ngọc Bích		TB	BM	P6	5.75	6.75		12.50	
30	0180	Bùi An Bình		TB	LQĐ	P6	6.50	7.75		14.25	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0271	Nguyễn Thành Đạt		NT	LQĐ	P10	8.00	8.25		16.25	
2	0272	Trần Quốc Đạt		ToH	VTS	P10	7.50	7.50		15.00	
3	0273	Bùi Hồng Diễm		ThB	LQĐ	P10	7.50	8.00		15.50	
4	0274	Đào Ngọc Diệp		ToH	VTS	P10	7.25	7.25		14.50	
5	0275	Đoàn Ngọc Diệp		NLB	BM	P10	7.25	8.50		15.75	
6	0276	Lê Ngọc Diệp		SM	LQĐ	P10	7.00	5.00		12.00	
7	0277	Ngô Ngọc Diệp		VH	LQĐ	P10	8.00	6.50		14.50	
8	0278	Nguyễn Ngọc Diệp		LTT	LQĐ	P10	7.50	7.25		14.75	
9	0279	Nhữ Hoàng Ngọc Diệp		TB	BM	P10	7.25	8.50		15.75	
10	0280	Trần Lê Ngọc Diệp		SM	VTS	P10	7.00	7.25		14.25	
11	0281	Bùi Dươc Đình		HT	VTS	P10	4.00	6.25		10.25	
12	0282	Đào Quang Đông		ThB	LQĐ	P10	6.00	7.75		13.75	
13	0283	Bùi Đình Đức		NT	BM	P10	6.50	7.75		14.25	
14	0284	Đặng Minh Đức		TQT	VTS	P10	7.50	8.00		15.50	
15	0285	Đình Trung Đức		LTT	LQĐ	P10	9.00	8.75		17.75	
16	0286	Đoàn Minh Đức		TB	VTS	P10	7.00	7.00		14.00	
17	0287	Đoàn Nguyên Đức		ToH	LQĐ	P10	7.00	7.00		14.00	
18	0288	Lê Văn Đức		NT	VTS	P10	7.75	7.50		15.25	
19	0289	Nguyễn Anh Đức		VH	VTS	P10	6.50	6.00		12.50	
20	0290	Nguyễn Minh Đức		NLB	LQĐ	P10	8.50	7.25		15.75	
21	0291	Nguyễn Tiến Đức		BM	LQĐ	P10	7.25	7.25		14.50	
22	0292	Phạm Đình Đức		ToH	LQĐ	P10	7.75	7.25		15.00	
23	0293	Phạm Minh Đức		BM	BM	P10	8.75	7.25		16.00	
24	0294	Tạ Anh Tài Đức		BM	BM	P10	8.25	8.00		16.25	
25	0295	Trần Sơn Đức		BM	BM	P10	4.75	5.50		10.25	
26	0296	Vũ Phạm Minh Đức		LTT	BM	P10	5.50	6.50		12.00	
27	0297	Vũ Trọng Đức		NLB	BM	P10	6.50	6.50		13.00	
28	0298	Đào Hạnh Dung		CT	BM	P10	6.50	5.75		12.25	
29	0299	Nguyễn Khuê Dung		TQT	VTS	P10	5.25	6.25		11.50	
30	0300	Nguyễn Mỹ Dung		HT	BM	P10	6.50	7.50		14.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0181	Đinh Thái Bình		ĐVT	BM	P7	7.75	6.75		14.50	
2	0182	Lương Thanh Bình		ĐQC	VTS	P7	7.63	8.00		15.63	
3	0183	Nguyễn Đức Bình		LTT	LQĐ	P7	6.50	7.75		14.25	
4	0184	Nguyễn Thái Bình		NLB	BM	P7	7.50	8.25		15.75	
5	0185	Nguyễn Thái Bình		ĐVT	LQĐ	P7	9.50	7.50		17.00	
6	0186	Vũ Hải Bình		NT	LQĐ	P7	8.88	7.25		16.13	
7	0187	Vũ Trọng Bình		LTT	BM	P7	8.00	7.75		15.75	
8	0188	Đặng Nhật Cảnh		NT	BM	P7	7.50	7.50		15.00	
9	0189	Nguyễn Bảo Châm		Ngc	VTS	P7	7.50	8.75		16.25	
10	0190	Bùi Minh Châu		LTT	VTS	P7	7.50	8.50		16.00	
11	0191	Đinh Đình Minh Châu		NT	BM	P7	7.50	8.75		16.25	
12	0192	Hoàng Minh Châu		ToH	LQĐ	P7	9.00	8.75		17.75	
13	0193	Lê Ngọc Minh Châu		ToH	LQĐ	P7	8.00	7.75		15.75	
14	0194	Ngô Bảo Châu		SM	VTS	P7	6.50	4.25		10.75	
15	0195	Nguyễn Bảo Châu		ThB	LQĐ	P7	5.00	7.75		12.75	
16	0196	Nguyễn Bảo Châu		BM	LQĐ	P7	7.00	7.75		14.75	
17	0197	Nguyễn Đỗ Bảo Châu		ToH	VTS	P7	2.00	3.75		5.75	
18	0198	Nguyễn Minh Châu		LTT	BM	P7	5.50	7.00		12.50	
19	0199	Nguyễn Minh Châu		VTS	VTS	P7	7.75	6.75		14.50	
20	0200	Nguyễn Ngọc Bảo Châu		NT	VTS	P7	3.00	7.50		10.50	
21	0201	Nguyễn Ngọc Bảo Châu		ĐQC	VTS	P7	7.00	7.50		14.50	
22	0202	Nguyễn Phạm Minh Châu		VTS	VTS	P7	8.50	7.75		16.25	
23	0203	Nguyễn Thị Minh Châu	UT5	TB	BM	P7	7.50	8.25	0.50	16.25	
24	0204	Phạm Minh Châu		VH	BM	P7	7.00	6.50		13.50	
25	0205	Phạm Thị Lân Châu		TB	LQĐ	P7	8.25	7.75		16.00	
26	0206	Phạm Trần Bảo Châu		BM	BM	P7	3.50	7.75		11.25	
27	0207	Trịnh Thảo Châu		NT	LQĐ	P7	7.75	8.25		16.00	
28	0208	Vũ Minh Châu		BH	BM	P7	7.25	7.50		14.75	
29	0209	Bùi Ngọc Chi		NT	BM	P7	8.13	6.75		14.88	
30	0210	Đàm Quỳnh Chi		TK	BM	P7	5.50	6.25		11.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0211	Đặng Linh Chi		ThB	LQĐ	P8				0.00	
2	0212	Đào Ngọc Linh Chi		VTs	LQĐ	P8	8.25	8.00		16.25	
3	0213	Đinh Ánh Chi		TB	BM	P8	7.00	7.00		14.00	
4	0214	Đỗ Quỳnh Chi		ToH	BM	P8	8.25	8.00		16.25	
5	0215	Đoàn Nguyễn Quỳnh Chi		NgC	VTs	P8	6.25	5.50		11.75	
6	0216	Hồ Phương Chi		BH	LQĐ	P8	9.00	4.25		13.25	
7	0217	Lê Nguyễn Khánh Chi		NT	VTs	P8	7.00	8.00		15.00	
8	0218	Lê Nguyễn Thùy Chi		TQT	VTs	P8	6.50	7.50		14.00	
9	0219	Mai Linh Chi		PL	VTs	P8	6.50	7.50		14.00	
10	0220	Nghiêm Mỹ Chi		ĐVT	LQĐ	P8	7.00	6.25		13.25	
11	0221	Nguyễn Diệp Chi		LTT	VTs	P8	7.00	8.50		15.50	
12	0222	Nguyễn Khánh Chi		CVA	BM	P8	7.75	7.00		14.75	
13	0223	Nguyễn Khánh Chi		TB	BM	P8	7.50	7.75		15.25	
14	0224	Nguyễn Khánh Chi		HT	VTs	P8	7.00	7.75		14.75	
15	0225	Nguyễn Ngọc Diệp Chi		BH	BM	P8	3.50	4.50		8.00	
16	0226	Nguyễn Quế Chi		TQT	VTs	P8	6.50	7.75		14.25	
17	0227	Nguyễn Quỳnh Chi		ĐQC	BM	P8	6.75	7.50		14.25	
18	0228	Nguyễn Quỳnh Chi		AQ	LQĐ	P8	5.00	4.50		9.50	
19	0229	Nguyễn Thị Hồng Chi		BM	BM	P8	5.63	7.00		12.63	
20	0230	Nguyễn Thùy Chi		VTs	BM	P8	7.50	7.75		15.25	
21	0231	Phạm Dương Mai Chi		LTT	BM	P8	6.75	6.00		12.75	
22	0232	Phạm Khánh Chi		LTT	LQĐ	P8	9.00	9.00		18.00	
23	0233	Phạm Khánh Chi		ThB	LQĐ	P8	8.75	9.00		17.75	
24	0234	Phạm Mai Chi		SM	VTs	P8	4.75	6.50		11.25	
25	0235	Phạm Thị Mai Chi		ĐVT	BM	P8	7.50	7.75		15.25	
26	0236	Phạm Thùy Chi		TM	BM	P8	7.00	7.75		14.75	
27	0237	Phan Quỳnh Chi		LTT	BM	P8	7.50	7.25		14.75	
28	0238	Trần Bảo Chi		ToH	BM	P8	5.00	5.00		10.00	
29	0239	Trần Bảo Quỳnh Chi		NLB	VTs	P8	7.25	6.75		14.00	
30	0240	Trần Hà Chi		ToH	BM	P8	5.75	7.50		13.25	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2024-2025

Phòng số 9

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0241	Trần Quỳnh Chi		ToH	VTs	P9	7.50	7.75		15.25	
2	0242	Vũ Hà Chi		NT	LQĐ	P9	7.00	8.00		15.00	
3	0243	Lê Mai Thành Công		NT	LQĐ	P9	8.25	7.75		16.00	
4	0244	Nguyễn Chí Công		HT	VTs	P9	5.75	6.00		11.75	
5	0245	Nguyễn Chí Cường		ĐQC	VTs	P9	6.50	6.25		12.75	
6	0246	Nguyễn Kiên Cường		HT	VTs	P9	7.00	7.25		14.25	
7	0247	Nguyễn Mạnh Cường		ĐQC	VTs	P9	2.50	4.50		7.00	
8	0248	Nguyễn Mạnh Cường		HT	VTs	P9	5.75	6.00		11.75	
9	0249	Phạm Quốc Cường		ThB	LQĐ	P9	5.25	7.00		12.25	
10	0250	Trần Quốc Cường		LTT	LQĐ	P9	7.50	6.50		14.00	
11	0251	Trần Quý Cường		LTT	VTs	P9	7.75	7.00		14.75	
12	0252	Trần Tuấn Cường		CVA	BM	P9	7.50	6.75		14.25	
13	0253	Phạm Công Đại		ThB	LQĐ	P9	6.00	5.75		11.75	
14	0254	Nguyễn Linh Đan		NLB	BM	P9	3.50	6.00		9.50	
15	0255	Nguyễn Linh Đan		HT	BM	P9	6.50	6.75		13.25	
16	0256	Nguyễn Linh Đan		Amanaki	LQĐ	P9	6.00	6.00		12.00	
17	0257	Vũ Linh Đan		ThB	LQĐ	P9	6.00	6.75		12.75	
18	0258	Lê Hải Đăng		BM	BM	P9	6.00	3.00		9.00	
19	0259	Nguyễn Hải Đăng		VH	BM	P9	7.50	4.75		12.25	
20	0260	Nguyễn Hải Đăng		BM	BM	P9	5.50	5.00		10.50	
21	0261	Nguyễn Trác Hải Đăng		CVA	LQĐ	P9	9.50	7.50		17.00	
22	0262	Phạm Hải Đăng		ToH	LQĐ	P9	7.50	6.75		14.25	
23	0263	Phạm Phú Hải Đăng		ĐQC	LQĐ	P9	8.00	7.00		15.00	
24	0264	Bùi Thành Đạt		TH	VTs	P9	6.00	6.75		12.75	
25	0265	Đinh Tiến Đạt		CVA	LQĐ	P9	6.50	5.50		12.00	
26	0266	Đinh Tuấn Đạt		CT	LQĐ	P9	9.00	8.25		17.25	
27	0267	Hoàng Thành Đạt		SM	VTs	P9	7.00	8.25		15.25	
28	0268	Lại Thành Đạt		HT	LQĐ	P9	7.75	8.50		16.25	
29	0269	Lê Công Tiến Đạt		ThB	LQĐ	P9	5.25	8.00		13.25	
30	0270	Ngô Gia Đạt		VH	BM	P9	7.75	6.75		14.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0271	Nguyễn Thành Đạt		NT	LQĐ	P10	8.00	8.25		16.25	
2	0272	Trần Quốc Đạt		ToH	VTS	P10	7.50	7.50		15.00	
3	0273	Bùi Hồng Diễm		ThB	LQĐ	P10	7.50	8.00		15.50	
4	0274	Đào Ngọc Diệp		ToH	VTS	P10	7.25	7.25		14.50	
5	0275	Đoàn Ngọc Diệp		NLB	BM	P10	7.25	8.50		15.75	
6	0276	Lê Ngọc Diệp		SM	LQĐ	P10	7.00	5.00		12.00	
7	0277	Ngô Ngọc Diệp		VH	LQĐ	P10	8.00	6.50		14.50	
8	0278	Nguyễn Ngọc Diệp		LTT	LQĐ	P10	7.50	7.25		14.75	
9	0279	Nhữ Hoàng Ngọc Diệp		TB	BM	P10	7.25	8.50		15.75	
10	0280	Trần Lê Ngọc Diệp		SM	VTS	P10	7.00	7.25		14.25	
11	0281	Bùi Dươc Đình		HT	VTS	P10	4.00	6.25		10.25	
12	0282	Đào Quang Đông		ThB	LQĐ	P10	6.00	7.75		13.75	
13	0283	Bùi Đình Đức		NT	BM	P10	6.50	7.75		14.25	
14	0284	Đặng Minh Đức		TQT	VTS	P10	7.50	8.00		15.50	
15	0285	Đình Trung Đức		LTT	LQĐ	P10	9.00	8.75		17.75	
16	0286	Đoàn Minh Đức		TB	VTS	P10	7.00	7.00		14.00	
17	0287	Đoàn Nguyên Đức		ToH	LQĐ	P10	7.00	7.00		14.00	
18	0288	Lê Văn Đức		NT	VTS	P10	7.75	7.50		15.25	
19	0289	Nguyễn Anh Đức		VH	VTS	P10	6.50	6.00		12.50	
20	0290	Nguyễn Minh Đức		NLB	LQĐ	P10	8.50	7.25		15.75	
21	0291	Nguyễn Tiến Đức		BM	LQĐ	P10	7.25	7.25		14.50	
22	0292	Phạm Đình Đức		ToH	LQĐ	P10	7.75	7.25		15.00	
23	0293	Phạm Minh Đức		BM	BM	P10	8.75	7.25		16.00	
24	0294	Tạ Anh Tài Đức		BM	BM	P10	8.25	8.00		16.25	
25	0295	Trần Sơn Đức		BM	BM	P10	4.75	5.50		10.25	
26	0296	Vũ Phạm Minh Đức		LTT	BM	P10	5.50	6.50		12.00	
27	0297	Vũ Trọng Đức		NLB	BM	P10	6.50	6.50		13.00	
28	0298	Đào Hạnh Dung		CT	BM	P10	6.50	5.75		12.25	
29	0299	Nguyễn Khuê Dung		TQT	VTS	P10	5.25	6.25		11.50	
30	0300	Nguyễn Mỹ Dung		HT	BM	P10	6.50	7.50		14.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0301	Bùi Tuấn Dũng		ThB	LQĐ	P11	7.00	7.00		14.00	
2	0302	Bùi Tuấn Dũng		NgC	VTS	P11	6.00	5.25		11.25	
3	0303	Cao Tiến Dũng		VH	BM	P11	7.75	7.75		15.50	
4	0304	Đàm Chí Dũng		ThB	LQĐ	P11	5.50	5.25		10.75	
5	0305	Đỗ Thế Dũng		CVA	LQĐ	P11	7.00	6.75		13.75	
6	0306	Hà Mạnh Dũng		BM	LQĐ	P11	7.00	7.00		14.00	
7	0307	Lê Đức Dũng		VH	LQĐ	P11	8.00	7.50		15.50	
8	0308	Lê Trung Dũng		NgC	VTS	P11	8.87	7.00		15.87	
9	0309	Lê Tuấn Dũng		VTS	BM	P11	7.50	7.50		15.00	
10	0310	Nguyễn Đình Dũng		NT	VTS	P11	6.50	7.00		13.50	
11	0311	Nguyễn Mạnh Dũng		ThB	BM	P11	7.38	6.50		13.88	
12	0312	Nguyễn Tiến Dũng		HT	VTS	P11	6.00	5.25		11.25	
13	0313	Nguyễn Trọng Dũng		TB	BM	P11	4.50	4.00		8.50	
14	0314	Nguyễn Trung Dũng		BM	LQĐ	P11	8.00	7.50		15.50	
15	0315	Nguyễn Trung Dũng		ThB	LQĐ	P11	9.00	8.50		17.50	
16	0316	Nguyễn Việt Dũng		BM	VTS	P11	7.50	6.25		13.75	
17	0317	Phạm Huy Chí Dũng		SM	LQĐ	P11	7.50	7.50		15.00	
18	0318	Phạm Nguyên Dũng		NT	BM	P11	7.50	6.00		13.50	
19	0319	Phạm Tuấn Dũng		NgC	VTS	P11	7.50	7.50		15.00	
20	0320	Vũ Trí Dũng		SM	LQĐ	P11	8.25	7.50		15.75	
21	0321	Vũ Trung Dũng		ThB	BM	P11	7.00	6.50		13.50	
22	0322	Cao Chính Dương		ToH	BM	P11	7.50	5.75		13.25	
23	0323	Chữ Thùy Dương		BM	BM	P11	5.50	8.00		13.50	
24	0324	Đặng Đăng Dương		BH	BM	P11	6.00	8.50		14.50	
25	0325	Đào Thanh Dương		TB	LQĐ	P11	9.00	7.00		16.00	
26	0326	Đình Ánh Dương		LTT	BM	P11	6.00	6.75		12.75	
27	0327	Hồ Thị Hồng Dương		NgC	LQĐ	P11	8.75	6.75		15.50	
28	0328	Nguyễn Đại Dương		NgC	VTS	P11	6.75	7.00		13.75	
29	0329	Nguyễn Đình Việt Dương		HT	VTS	P11	6.50	5.00		11.50	
30	0330	Nguyễn Hải Dương		HT	VTS	P11	5.00	6.25		11.25	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2024-2025

Phòng số 12

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0331	Nguyễn Quang Dương		HT	BM	P12	7.75	6.75		14.50	
2	0332	Nguyễn Thái Bình Dương		BM	BM	P12	7.25	6.25		13.50	
3	0333	Nguyễn Thị Quỳnh Dương		NLB	VTS	P12	6.75	7.25		14.00	
4	0334	Nguyễn Thùy Dương		VH	BM	P12	7.50	8.00		15.50	
5	0335	Nguyễn Thùy Dương		HT	BM	P12	8.25	8.25		16.50	
6	0336	Nguyễn Thùy Dương		VTS	VTS	P12	7.50	6.25		13.75	
7	0337	Nguyễn Văn Dương		BM	BM	P12	6.75	7.25		14.00	
8	0338	Nguyễn Việt Dương		CVA	LQĐ	P12	8.25	8.25		16.50	
9	0339	Nguyễn Tùng Dương		TH	VTS	P12	8.25	8.00		16.25	
10	0340	Phạm Đăng Dương		TM	BM	P12	8.00	8.00		16.00	
11	0341	Phạm Quốc Dương		ThB	LQĐ	P12	7.50	7.75		15.25	
12	0342	Phạm Thuỳ Dương		LTT	VTS	P12	7.75	8.50		16.25	
13	0343	Trần Minh Dương		VH	BM	P12	3.75	3.25		7.00	
14	0344	Trần Thùy Dương		LTT	BM	P12	7.25	6.00		13.25	
15	0345	Trần Tuấn Dương		ToH	VTS	P12	6.00	6.00		12.00	
16	0346	Vũ Đăng Dương		ĐVT	LQĐ	P12	8.75	7.75		16.50	
17	0347	Vũ Thái Dương		BH	BM	P12	3.00	4.00		7.00	
18	0348	Âu Sỹ Duy		LTT	BM	P12	6.75	6.50		13.25	
19	0349	Lê Anh Duy		SM	VTS	P12	8.00	8.25		16.25	
20	0350	Lê Đức Anh Duy		NLB	BM	P12	7.00	8.25		15.25	
21	0351	Nguyễn Đình Duy		SM	VTS	P12	7.50	7.75		15.25	
22	0352	Nguyễn Đức Duy		ĐVT	BM	P12	6.50	8.00		14.50	
23	0353	Nguyễn Khánh Duy		BM	LQĐ	P12	8.25	8.00		16.25	
24	0354	Nguyễn Tiến Duy		NgC	VTS	P12	7.75	7.25		15.00	
25	0355	Nguyễn Tuấn Khương Duy		NLB	BM	P12	6.50	5.75		12.25	
26	0356	Trần Quang Duy		PL	LQĐ	P12	7.00	6.50		13.50	
27	0357	Trương Đức Duy		BM	BM	P12	8.00	6.50		14.50	
28	0358	Đinh Nguyễn Phương Duyên		NĐ	VTS	P12	8.50	9.00		17.50	
29	0359	Nguyễn Khánh Duyên		HT	VTS	P12	7.00	8.75		15.75	
30	0360	Nguyễn Phương Kỳ Duyên		SM	LQĐ	P12	7.00	8.50		15.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2024-2025

Phòng số 12

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0331	Nguyễn Quang Dương		HT	BM	P12	7.75	6.75		14.50	
2	0332	Nguyễn Thái Bình Dương		BM	BM	P12	7.25	6.25		13.50	
3	0333	Nguyễn Thị Quỳnh Dương		NLB	VTS	P12	6.75	7.25		14.00	
4	0334	Nguyễn Thùy Dương		VH	BM	P12	7.50	8.00		15.50	
5	0335	Nguyễn Thùy Dương		HT	BM	P12	8.25	8.25		16.50	
6	0336	Nguyễn Thùy Dương		VTS	VTS	P12	7.50	6.25		13.75	
7	0337	Nguyễn Văn Dương		BM	BM	P12	6.75	7.25		14.00	
8	0338	Nguyễn Việt Dương		CVA	LQĐ	P12	8.25	8.25		16.50	
9	0339	Nguyễn Tùng Dương		TH	VTS	P12	8.25	8.00		16.25	
10	0340	Phạm Đăng Dương		TM	BM	P12	8.00	8.00		16.00	
11	0341	Phạm Quốc Dương		ThB	LQĐ	P12	7.50	7.75		15.25	
12	0342	Phạm Thuỳ Dương		LTT	VTS	P12	7.75	8.50		16.25	
13	0343	Trần Minh Dương		VH	BM	P12	3.75	3.25		7.00	
14	0344	Trần Thùy Dương		LTT	BM	P12	7.25	6.00		13.25	
15	0345	Trần Tuấn Dương		ToH	VTS	P12	6.00	6.00		12.00	
16	0346	Vũ Đăng Dương		ĐVT	LQĐ	P12	8.75	7.75		16.50	
17	0347	Vũ Thái Dương		BH	BM	P12	3.00	4.00		7.00	
18	0348	Âu Sỹ Duy		LTT	BM	P12	6.75	6.50		13.25	
19	0349	Lê Anh Duy		SM	VTS	P12	8.00	8.25		16.25	
20	0350	Lê Đức Anh Duy		NLB	BM	P12	7.00	8.25		15.25	
21	0351	Nguyễn Đình Duy		SM	VTS	P12	7.50	7.75		15.25	
22	0352	Nguyễn Đức Duy		ĐVT	BM	P12	6.50	8.00		14.50	
23	0353	Nguyễn Khánh Duy		BM	LQĐ	P12	8.25	8.00		16.25	
24	0354	Nguyễn Tiến Duy		NgC	VTS	P12	7.75	7.25		15.00	
25	0355	Nguyễn Tuấn Khương Duy		NLB	BM	P12	6.50	5.75		12.25	
26	0356	Trần Quang Duy		PL	LQĐ	P12	7.00	6.50		13.50	
27	0357	Trương Đức Duy		BM	BM	P12	8.00	6.50		14.50	
28	0358	Đinh Nguyễn Phương Duyên		NĐ	VTS	P12	8.50	9.00		17.50	
29	0359	Nguyễn Khánh Duyên		HT	VTS	P12	7.00	8.75		15.75	
30	0360	Nguyễn Phương Kỳ Duyên		SM	LQĐ	P12	7.00	8.50		15.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0361	Vũ Cao Mỹ Quyên		BM	BM	P13	7.38	7.50		14.88	
2	0362	Vũ Hạnh Duyên		NT	LQĐ	P13	9.00	9.00		18.00	
3	0363	Cao Hương Giang		ThB	LQĐ	P13	9.00	8.25		17.25	
4	0364	Đào Tường Giang		NT	BM	P13	6.00	6.25		12.25	
5	0365	Đinh Bùi Hương Giang		NĐ	VTs	P13	6.25	6.00		12.25	
6	0366	Đoàn Văn Chí Giang		BM	LQĐ	P13	8.25	6.25		14.50	
7	0367	Đồng Hương Giang		BH	VTs	P13	6.00	6.00		12.00	
8	0368	Hoàng Hải Giang		NLB	LQĐ	P13	7.25	6.50		13.75	
9	0369	Lê Thị Vân Giang		NLB	LQĐ	P13	6.50	7.00		13.50	
10	0370	Lê Trường Giang		VH	BM	P13	5.88	4.50		10.38	
11	0371	Lưu Hương Giang		LTT	BM	P13	6.88	7.75		14.63	
12	0372	Nguyễn Hương Giang		ThB	BM	P13	5.50	8.25		13.75	
13	0373	Nguyễn Lam Giang		TM	LQĐ	P13	7.75	7.25		15.00	
14	0374	Nguyễn Phương Giang		TB	BM	P13	7.50	8.25		15.75	
15	0375	Nguyễn Quỳnh Giang		CT	BM	P13	6.50	7.75		14.25	
16	0376	Nguyễn Thị Hương Giang		TH	VTs	P13	6.50	7.50		14.00	
17	0377	Nguyễn Vũ Trà Giang		ToH	LQĐ	P13	8.25	6.50		14.75	
18	0378	Trần Nguyễn Trường Giang		ĐVT	VTs	P13	4.50	7.00		11.50	
19	0379	Trần Thị Hà Giang		NhC	BM	P13	3.00	5.25		8.25	
20	0380	Vũ Hằng Giang		VTs	VTs	P13	6.50	7.00		13.50	
21	0381	Vũ Hương Giang		SM	LQĐ	P13	9.00	8.50		17.50	
22	0382	Vũ Thị Hương Giang		ThB	BM	P13	4.00	7.25		11.25	
23	0383	Vương Trần Đức Giang		ĐVT	VTs	P13	7.00	6.50		13.50	
24	0384	Vũ Hà Ái Giao		NT	BM	P13	7.50	7.75		15.25	
25	0385	Hoàng Minh Giáp		ThB	BM	P13	7.50	7.00		14.50	
26	0386	Bùi Hải Hà		TH	VTs	P13	7.00	5.75		12.75	
27	0387	Bùi Phương Hà		BM	VTs	P13	7.75	7.50		15.25	
28	0388	Đào Hải Hà		NLB	BM	P13	7.50	8.50		16.00	
29	0389	Đỗ Ngọc Hà		NT	VTs	P13	8.75	8.50		17.25	
30	0390	Lương Ngọc Hà		VH	BM	P13	3.50	6.25		9.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0391	Ngô Ngân Hà		ThB	LQĐ	P14	7.25	7.50		14.75	
2	0392	Ngô Thu Hà		ThB	BM	P14	7.50	9.00		16.50	
3	0393	Nguyễn Minh Hà		CT	VTs	P14	6.25	5.25		11.50	
4	0394	Nguyễn Ngân Hà		LTT	BM	P14	7.75	7.25		15.00	
5	0395	Nguyễn Ngọc Hà		NT	BM	P14	7.75	8.25		16.00	
6	0396	Nguyễn Ngọc Hà		NT	VTs	P14	6.50	8.75		15.25	
7	0397	Nguyễn Thanh Hà		CVA	LQĐ	P14	6.13	7.75		13.88	
8	0398	Nguyễn Thị Ngân Hà		TQT	VTs	P14	2.50	6.00		8.50	
9	0399	Nguyễn Thu Hà		NT	BM	P14	8.00	7.00		15.00	
10	0400	Phạm Khánh Hà		ThB	LQĐ	P14	7.25	8.00		15.25	
11	0401	Phan Thanh Hà		LTT	VTs	P14	7.75	6.00		13.75	
12	0402	Trần Đặng Khánh Hà		NLB	BM	P14	8.75	8.00		16.75	
13	0403	Trần Việt Hà		ĐQC	VTs	P14	8.25	7.75		16.00	
14	0404	Trương Minh Hà		CVA	VTs	P14	3.50	2.50		6.00	
15	0405	Vũ Ngân Hà		LTT	BM	P14	6.50	6.75		13.25	
16	0406	Vũ Ngọc Mai Hà		NT	BM	P14	7.75	7.75		15.50	
17	0407	Vũ Văn Hà		HT	VTs	P14	8.25	8.50		16.75	
18	0408	Bùi Hoàng Hải		TB	VTs	P14	9.00	7.25		16.25	
19	0409	Đào Minh Hải		VH	LQĐ	P14	6.00	5.75		11.75	
20	0410	Đỗ Mạnh Hải		SM	VTs	P14	6.25	5.00		11.25	
21	0411	Hoàng Nguyên Hải		NgC	VTs	P14	7.75	8.00		15.75	
22	0412	Nguyễn Mạnh Hải		BM	BM	P14	7.75	6.50		14.25	
23	0413	Phạm Hoàng Hải		ThB	BM	P14	5.25	7.00		12.25	
24	0414	Phạm Minh Hải		TB	BM	P14	8.25	7.25		15.50	
25	0415	Phạm Sỹ Huy Hải		NLB	BM	P14	6.75	7.00		13.75	
26	0416	Vũ Minh Hải		ToH	VTs	P14	7.25	7.50		14.75	
27	0417	Ngô Nhật Hàn		TB	BM	P14	6.75	7.75		14.50	
28	0418	Bùi Ngọc Bảo Hân		ToH	BM	P14	7.25	7.75		15.00	
29	0419	Bùi Thị Bảo Hân		LTT	LQĐ	P14	9.00	8.75		17.75	
30	0420	Đào Nguyễn Gia Hân		LTT	LQĐ	P14	7.00	7.50		14.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0421	Đỗ Hoàng Bảo Hân		ĐVT	VTS	P15	4.00	7.50		11.50	
2	0422	Đoàn Gia Hân		TB	BM	P15	5.50	7.75		13.25	
3	0423	Đoàn Gia Hân		NLB	VTS	P15	7.50	8.25		15.75	
4	0424	Hoàng Gia Hân		BH	BM	P15	8.00	5.00		13.00	
5	0425	Lê Minh Ngọc Hân		NT	VTS	P15	6.75	8.75		15.50	
6	0426	Lê Thị Ngọc Hân		ThB	LQĐ	P15	7.50	7.50		15.00	
7	0427	Mạc Gia Hân		ThB	LQĐ	P15	7.50	7.00		14.50	
8	0428	Nguyễn Bảo Hân		NLB	BM	P15	6.50	7.00		13.50	
9	0429	Nguyễn Bảo Hân		BM	LQĐ	P15	8.00	8.50		16.50	
10	0430	Nguyễn Bảo Hân		ĐQC	VTS	P15	5.50	8.75		14.25	
11	0431	Nguyễn Gia Hân		NLB	BM	P15	5.50	6.50		12.00	
12	0432	Nguyễn Gia Hân		TH	VTS	P15	4.88	5.50		10.38	
13	0433	Nguyễn Gia Hân		AQ	VTS	P15	7.00	8.50		15.50	
14	0434	Nguyễn Hà Gia Hân		LTT	BM	P15	4.00	7.75		11.75	
15	0435	Nguyễn Phúc Gia Hân		CT	BM	P15	5.00	7.00		12.00	
16	0436	Nguyễn Phương Hân		TQT	VTS	P15	3.00	6.50		9.50	
17	0437	Nguyễn Thị Bảo Hân		TK	BM	P15	6.50	6.00		12.50	
18	0438	Nguyễn Tổng Ngọc Hân		HT	VTS	P15	8.00	8.50		16.50	
19	0439	Phạm Gia Hân		BM	BM	P15	7.00	7.25		14.25	
20	0440	Phạm Gia Hân		HT	BM	P15	8.00	7.00		15.00	
21	0441	Phạm Gia Hân		BM	LQĐ	P15	7.75	8.50		16.25	
22	0442	Phạm Gia Hân		TM	VTS	P15	6.50	6.25		12.75	
23	0443	Phạm Gia Hân		HT	VTS	P15	7.00	7.25		14.25	
24	0444	Trương Gia Hân		TB	VTS	P15	7.50	7.50		15.00	
25	0445	Vũ Bả Hân		BM	BM	P15	6.25	5.75		12.00	
26	0446	Vũ Hà Gia Hân		ToH	LQĐ	P15	5.50	7.00		12.50	
27	0447	Vũ Ngọc Hân		ToH	VTS	P15	6.00	8.25		14.25	
28	0448	Vũ Nguyễn Gia Hân		CVA	LQĐ	P15	6.75	9.25		16.00	
29	0449	Vũ Nguyễn Tuệ Hân		VTS	VTS	P15	9.00	8.50		17.50	
30	0450	Vũ Như Ngọc Hân		CT	BM	P15	5.00	8.00		13.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0451	Vũ Thị Gia Hân		ThB	BM	P16	6.75	7.75		14.50	
2	0452	Vương Tuệ Hân		HT	VTS	P16	8.00	7.50		15.50	
3	0453	Đặng Minh Hằng		TB	BM	P16	6.38	6.25		12.63	
4	0454	Nguyễn Minh Hằng		TB	BM	P16	7.75	7.25		15.00	
5	0455	Nguyễn Ngọc Hằng		NLB	LQĐ	P16	9.00	8.00		17.00	
6	0456	Nguyễn Thanh Hằng		BM	BM	P16	6.00	6.75		12.75	
7	0457	Nguyễn Thanh Hằng		ToH	VTS	P16	7.50	5.50		13.00	
8	0458	Bùi Hồng Hạnh		NLB	BM	P16	6.75	6.25		13.00	
9	0459	Đào Thị Kim Hiền		NgC	LQĐ	P16	6.25	7.25		13.50	
10	0460	Phạm Kim Hiền		NLB	VTS	P16	8.00	7.75		15.75	
11	0461	Phạm Thục Hiền		BM	BM	P16	7.50	7.75		15.25	
12	0462	Phan Thanh Hiền		ToH	VTS	P16	8.75	7.50		16.25	
13	0463	Trần Khánh Hiền		NT	BM	P16	8.25	7.25		15.50	
14	0464	Bùi Đức Vinh Hiền		NT	LQĐ	P16	7.75	7.25		15.00	
15	0465	Đỗ Thế Hiền		SM	VTS	P16	7.00	4.75		11.75	
16	0466	Nguyễn Danh Hiền		ToH	VTS	P16	7.25	5.75		13.00	
17	0467	Trần Nguyên Hiền		LTT	VTS	P16	6.25	7.25		13.50	
18	0468	Vương Minh Hiền		BM	BM	P16	6.25	7.00		13.25	
19	0469	Nguyễn Văn Hiện		TK	BM	P16	7.25	6.75		14.00	
20	0470	Vũ Vinh Hiệp		SM	BM	P16	9.50	6.50		16.00	
21	0471	Đỗ Lưu Đức Hiếu		SM	VTS	P16	7.25	7.25		14.50	
22	0472	Nguyễn Hoàng Hiếu		HT	VTS	P16	6.75	5.75		12.50	
23	0473	Nguyễn Minh Hiếu		ThB	LQĐ	P16	6.75	6.50		13.25	
24	0474	Nguyễn Trọng Hiếu		ThB	LQĐ	P16	9.50	7.75		17.25	
25	0475	Phạm Minh Hiếu		PL	VTS	P16	7.25	6.25		13.50	
26	0476	Phạm Trung Hiếu		TB	BM	P16	7.00	7.50		14.50	
27	0477	Vũ Minh Hiếu		ĐQC	VTS	P16	9.50	8.25		17.75	
28	0478	Vũ Trung Hiếu		TB	BM	P16	5.75	7.00		12.75	
29	0479	Nguyễn Minh Hòa		ThB	LQĐ	P16	6.75	5.25		12.00	
30	0480	Phạm Mạnh Hòa		TK	BM	P16	7.25	5.50		12.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0481	Nguyễn Tổ Hoài		LTT	BM	P17	5.00	6.75		11.75	
2	0482	Nguyễn Bảo Hoàng		ĐQC	VTS	P17	6.75	6.25		13.00	
3	0483	Nguyễn Huy Hoàng		LTT	LQĐ	P17	7.75	7.00		14.75	
4	0484	Nguyễn Minh Hoàng		ToH	VTS	P17	8.00	6.50		14.50	
5	0485	Nguyễn Việt Hoàng		ToH	VTS	P17	8.50	7.50		16.00	
6	0486	Nguyễn Việt Hoàng		Ngc	VTS	P17	8.00	7.25		15.25	
7	0487	Phạm Phú Hoàng		VTS	VTS	P17	8.25	6.50		14.75	
8	0488	Phạm Trần Minh Hoàng		VTS	BM	P17	8.00	6.50		14.50	
9	0489	Trần Huy Hoàng		SM	VTS	P17	8.00	4.50		12.50	
10	0490	Nguyễn Khánh Hội		AT	BM	P17	7.00	5.75		12.75	
11	0491	Đào Tấn Hùng		HT	VTS	P17	8.25	6.75		15.00	
12	0492	Ngô Quang Hùng		VH	BM	P17	6.50	6.50		13.00	
13	0493	Nguyễn Gia Hùng		TB	VTS	P17	7.00	8.00		15.00	
14	0494	Nguyễn Mạnh Hùng		BM	BM	P17	6.50	6.50		13.00	
15	0495	Nguyễn Việt Hùng		NĐ	VTS	P17	7.75	7.75		15.50	
16	0496	Nguyễn Việt Hùng		VTS	VTS	P17	8.75	7.00		15.75	
17	0497	Nguyễn Vũ Hùng		BM	VTS	P17	7.50	6.75		14.25	
18	0498	Phạm Mạnh Hùng		LTT	BM	P17	5.25	5.50		10.75	
19	0499	Vũ Việt Hùng		VTS	BM	P17	8.50	6.75		15.25	
20	0500	Bùi Gia Hưng		ThB	LQĐ	P17	9.00	7.50		16.50	
21	0501	Đoàn Trọng Hưng		TM	BM	P17	8.25	7.00		15.25	
22	0502	Đồng Quốc Hưng		LTT	LQĐ	P17	9.50	8.50		18.00	
23	0503	Hà Phúc Hưng		SM	VTS	P17	8.25	8.00		16.25	
24	0504	Hoàng Ngọc Hưng		BM	BM	P17	7.00	5.25		12.25	
25	0505	Nguyễn Bảo Hưng		ĐQC	VTS	P17	8.25	7.75		16.00	
26	0506	Nguyễn Huy Hưng		ThB	BM	P17	6.50	6.50		13.00	
27	0507	Nguyễn Hưng		BM	BM	P17	8.00	8.00		16.00	
28	0508	Phạm Gia Hưng		BM	LQĐ	P17	8.00	6.75		14.75	
29	0509	Phạm Nhất Hưng		BM	BM	P17	8.00	5.25		13.25	
30	0510	Trần Gia Hưng		TK	BM	P17	7.00	5.75		12.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0511	Vũ Thành Hưng		TB	VTS	P18	8.50	7.25		15.75	
2	0512	Vũ Tuấn Hưng		VTS	VTS	P18	7.00	3.25		10.25	
3	0513	Đỗ Nguyễn Minh Hương		BM	LQĐ	P18	7.75	7.00		14.75	
4	0514	Nguyễn Thị Thu Hương		VH	LQĐ	P18	7.50	6.75		14.25	
5	0515	Nguyễn Thị Thảo Hương		VTS	LQĐ	P18	7.75	8.25		16.00	
6	0516	Phạm Nguyễn Quỳnh Hương		BM	BM	P18	7.00	8.75		15.75	
7	0517	Bùi Đức Gia Huy		VTS	BM	P18	6.00	6.50		12.50	
8	0518	Đàm Quang Huy		TK	VTS	P18	7.75	6.00		13.75	
9	0519	Đặng Nhật Huy		BM	BM	P18	7.50	7.50		15.00	
10	0520	Đào Duy Minh Huy		HT	VTS	P18	7.50	6.25		13.75	
11	0521	Đinh Trần Gia Huy		NT	VTS	P18	7.50	6.00		13.50	
12	0522	Đồng Gia Huy		TB	LQĐ	P18	5.50	6.50		12.00	
13	0523	Hồ Vũ Đức Huy		BM	VTS	P18	8.00	6.50		14.50	
14	0524	Lê Quang Huy		VH	LQĐ	P18	8.00	6.75		14.75	
15	0525	Lê Tiến Huy		NLB	BM	P18	5.00	6.25		11.25	
16	0526	Nguyễn Danh Phúc Huy		SM	VTS	P18	7.50	7.00		14.50	
17	0527	Nguyễn Gia Huy		TK	VTS	P18	7.75	6.50		14.25	
18	0528	Nguyễn Nam Huy		NgC	VTS	P18	7.00	6.75		13.75	
19	0529	Nguyễn Phan Gia Huy		ĐQC	VTS	P18	6.25	5.25		11.50	
20	0530	Nguyễn Trần Gia Huy		NgC	LQĐ	P18	5.00	7.00		12.00	
21	0531	Phạm Đỗ Gia Huy		TM	LQĐ	P18	8.00	7.50		15.50	
22	0532	Phạm Trường Huy	UT5	VTS	BM	P18	7.50	8.00	0.50	16.00	
23	0533	Phạm Vũ Gia Huy		NLB	LQĐ	P18	8.00	7.50		15.50	
24	0534	Tăng Bá Gia Huy		SM	VTS	P18	7.75	7.25		15.00	
25	0535	Trần Quang Huy		VH	BM	P18	6.50	5.75		12.25	
26	0536	Trịnh Quang Huy		TB	LQĐ	P18	7.50	5.50		13.00	
27	0537	Vũ Huỳnh Gia Huy		HT	VTS	P18	5.00	5.00		10.00	
28	0538	Bùi Khánh Huyền		ThB	BM	P18	4.50	7.25		11.75	
29	0539	Đoàn Ngọc Huyền		NLB	LQĐ	P18	8.25	8.75		17.00	
30	0540	Hà Mai Huyền		LTT	BM	P18	7.50	8.00		15.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Nguyễn Diệu Linh
TRƯỞNG PHÒNG

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0541	Phan Thu Huyền		VH	BM	P19	3.50	5.50		9.00	
2	0542	Trần Khánh Huyền		LTT	LQĐ	P19	8.50	8.25		16.75	
3	0543	Trần Ngọc Huyền		TM	BM	P19	3.00	6.50		9.50	
4	0544	Hoàng Đức Huynh		TQT	VTS	P19	6.25	6.25		12.50	
5	0545	Phạm Thái Huỳnh		TB	LQĐ	P19	9.00	6.75		15.75	
6	0546	Tiêu Quang Khải		NgC	VTS	P19	7.50	7.50		15.00	
7	0547	Chu Vĩnh Khang		ĐVT	VTS	P19	6.50	7.25		13.75	
8	0548	Hoàng Bảo Nguyên Khang		BM	LQĐ	P19	5.50	6.50		12.00	
9	0549	Hoàng Minh Khang		TB	VTS	P19	7.25	6.75		14.00	
10	0550	Lê Đình Khang		BM	VTS	P19	4.00	5.50		9.50	
11	0551	Mạc Dương Bảo Khang		ToH	VTS	P19	8.00	7.25		15.25	
12	0552	Nghiêm Viết Vĩ Khang		BH	BM	P19	8.00	7.75		15.75	
13	0553	Nguyễn Hoàng Bảo Khang		ToH	LQĐ	P19	8.50	7.75		16.25	
14	0554	Nguyễn Minh Khang		NgC	VTS	P19	7.00	7.00		14.00	
15	0555	Phạm Mai Minh Khang		NLB	LQĐ	P19	8.00	7.00		15.00	
16	0556	Phạm Sỹ Khang		LTT	LQĐ	P19	7.75	7.50		15.25	
17	0557	Tăng Bá Khang		NLB	VTS	P19	8.25	8.75		17.00	
18	0558	Trần An Khang		ĐQC	VTS	P19	5.50	6.75		12.25	
19	0559	Trần Minh Khang		CVA	VTS	P19	8.00	7.50		15.50	
20	0560	Trịnh Minh Khang		BM	LQĐ	P19	9.50	7.25		16.75	
21	0561	Bùi Phương Khanh		BM	LQĐ	P19	8.25	6.75		15.00	
22	0562	Cao Nhã Khanh		TB	BM	P19	7.25	7.00		14.25	
23	0563	Đào Đức Khanh		BM	LQĐ	P19	9.50	8.00		17.50	
24	0564	Nguyễn Công Khanh		ĐVT	BM	P19	5.00	4.75		9.75	
25	0565	Nguyễn Ngọc Bảo Khanh		HT	VTS	P19	7.00	6.50		13.50	
26	0566	Nguyễn Tuấn Khanh		Ngc	VTS	P19	7.50	4.50		12.00	
27	0567	Trần Nguyệt Khanh		LTT	LQĐ	P19	9.50	7.75		17.25	
28	0568	Bùi Hữu Hải Khánh		VTS	LQĐ	P19	8.50	8.00		16.50	
29	0569	Bùi Ngân Khánh		ĐVT	BM	P19	6.50	6.50		13.00	
30	0570	Đỗ Đức Khánh		NLB	LQĐ	P19	9.25	7.25		16.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0571	Đỗ Huy Khánh		BM	LQĐ	P20	7.00	6.00		13.00	
2	0572	Đỗ Lê Ngân Khánh		TK	BM	P20	5.00	7.00		12.00	
3	0573	Đỗ Nam Khánh		BM	BM	P20	8.50	8.00		16.50	
4	0574	Hoàng Thị Vân Khánh		BM	VTS	P20	3.50	4.75		8.25	
5	0575	Lê Hoàng Vân Khánh		VTS	VTS	P20	8.00	8.00		16.00	
6	0576	Lê Nam Khánh		LTT	LQĐ	P20	9.00	8.25		17.25	
7	0577	Nguyễn Đăng Bảo Khánh		NT	LQĐ	P20	8.00	7.00		15.00	
8	0578	Nguyễn Gia Khánh		ThB	LQĐ	P20	8.00	8.25		16.25	
9	0579	Nguyễn Mỹ Khánh		BM	LQĐ	P20	8.50	8.75		17.25	
10	0580	Nguyễn Nhật Khánh		ToH	LQĐ	P20	8.25	6.50		14.75	
11	0581	Nguyễn Quỳnh Khánh		NT	BM	P20	7.50	8.00		15.50	
12	0582	Nguyễn Thị Vân Khánh		ToH	VTS	P20	7.25	7.50		14.75	
13	0583	Nguyễn Thị Ngân Khánh		NĐ	VTS	P20	7.00	7.75		14.75	
14	0584	Nguyễn Vân Khánh		TB	BM	P20	6.00	7.50		13.50	
15	0585	Nguyễn Vân Khánh		NĐ	VTS	P20	6.00	6.25		12.25	
16	0586	Phạm Bảo Khánh		NT	BM	P20	4.25	5.00		9.25	
17	0587	Phạm Duy Khánh		ĐVT	BM	P20	7.25	6.00		13.25	
18	0588	Phạm Ngọc Khánh		TK	LQĐ	P20	6.50	7.00		13.50	
19	0589	Phạm Vân Khánh		LTT	VTS	P20	7.50	8.00		15.50	
20	0590	Phạm Vũ Ngân Khánh		LTT	LQĐ	P20	8.50	7.75		16.25	
21	0591	Tô Ngân Khánh		LTT	LQĐ	P20	8.00	7.00		15.00	
22	0592	Trần Vân Khánh		CVA	LQĐ	P20	5.25	8.00		13.25	
23	0593	Vũ Đức Khánh		NT	VTS	P20	7.75	7.75		15.50	
24	0594	Vũ Nam Khánh		BM	LQĐ	P20	7.75	7.75		15.50	
25	0595	Vũ Ngọc Khánh		BM	LQĐ	P20	8.00	7.50		15.50	
26	0596	Trần Danh Gia Khiêm		ThB	VTS	P20	7.75	8.00		15.75	
27	0597	Vũ Minh Khiêm		LTT	LQĐ	P20	8.00	7.25		15.25	
28	0598	Đồng Nguyên Khoa		SM	VTS	P20	8.00	7.25		15.25	
29	0599	Hồ Đăng Khoa		ToH	BM	P20	9.00	7.25		16.25	
30	0600	Vũ Nguyễn Đăng Khoa		CT	BM	P20	5.00	5.50		10.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0601	Nguyễn Hiệp Đăng Khoa		Ngc	VTS	P21	6.00	6.50		12.50	
2	0602	Nguyễn Thành Khoa		ThB	LQĐ	P21	8.50	8.00		16.50	
3	0603	Trần Đăng Khoa		TM	BM	P21	4.00	5.00		9.00	
4	0604	Trần Đăng Khoa		VTS	VTS	P21	8.00	7.25		15.25	
5	0605	Trần Trọng Khoa		VTS	VTS	P21	6.25	6.75		13.00	
6	0606	Chữ Hữu Khôi		BM	LQĐ	P21	8.25	7.50		15.75	
7	0607	Đỗ Ngọc Khôi		VTS	VTS	P21	7.25	7.50		14.75	
8	0608	Nguyễn Hữu Khôi		LTT	BM	P21	7.50	6.75		14.25	
9	0609	Vũ Duy Tuấn Khôi		TB	BM	P21	6.75	8.75		15.50	
10	0610	Nguyễn Minh Khuê		NgC	BM	P21	8.50	7.00		15.50	
11	0611	Vũ Đức Khuê		NT	LQĐ	P21	9.00	7.75		16.75	
12	0612	Vũ Minh Khuê		NLB	LQĐ	P21	8.25	8.00		16.25	
13	0613	Vũ Thị Minh Khuê		BM	BM	P21	8.50	7.75		16.25	
14	0614	Bùi Trung Kiên		HT	LQĐ	P21	8.50	8.00		16.50	
15	0615	Đàm Hoàng Kiên		TK	LQĐ	P21	8.00	7.75		15.75	
16	0616	Đàm Văn Kiên		TK	VTS	P21	7.00	6.00		13.00	
17	0617	Phạm Duy Kiên		VTS	VTS	P21	7.50	7.00		14.50	
18	0618	Phan Hữu Kiên		LTT	VTS	P21	8.50	5.50		14.00	
19	0619	Vũ Đức Kiên		ĐVT	LQĐ	P21	7.75	7.25		15.00	
20	0620	Vũ Hà Minh Kiên		BH	LQĐ	P21	7.50	7.25		14.75	
21	0621	Vũ Trung Kiên		BH	LQĐ	P21	7.75	7.25		15.00	
22	0622	Nguyễn Quang Kiệt		NgC	VTS	P21	9.50	8.00		17.50	
23	0623	Nguyễn Tuấn Kiệt		VTS	BM	P21	7.50	7.75		15.25	
24	0624	Nguyễn Tuấn Kiệt		VTS	LQĐ	P21	9.50	8.40		17.90	
25	0625	Nguyễn Tuấn Kiệt		HT	LQĐ	P21	9.25	5.50		14.75	
26	0626	Nguyễn Tuấn Kiệt		LTT	VTS	P21	8.25	6.50		14.75	
27	0627	Phạm Đăng Kiệt		SM	VTS	P21	7.50	7.00		14.50	
28	0628	Phạm Tuấn Kiệt		ThB	BM	P21	7.00	5.25		12.25	
29	0629	Phạm Tuấn Kiệt		TB	LQĐ	P21	7.50	7.25		14.75	
30	0630	Phạm Tuấn Kiệt		SM	VTS	P21	7.50	6.75		14.25	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0631	Trần Đình Tuấn Kiệt		ToH	LQĐ	P22	8.00	6.75		14.75	
2	0632	Vũ Anh Kiệt		BM	BM	P22	7.00	6.50		13.50	
3	0633	Đoàn Nhã Kỳ		ĐVT	LQĐ	P22	5.00	7.00		12.00	
4	0634	Hoàng Nhã Kỳ		ThB	BM	P22	4.00	4.00		8.00	
5	0635	Lê Hoàng Kỳ		NLB	LQĐ	P22	8.00	6.00		14.00	
6	0636	Nguyễn Phúc Lai		BM	LQĐ	P22	8.50	6.75		15.25	
7	0637	Đặng Trúc Lam		BM	LQĐ	P22	7.75	7.75		15.50	
8	0638	Nguyễn Trần Trúc Lam		NT	VTs	P22	7.00	7.50		14.50	
9	0639	Vũ Ngọc Tường Lam		ToH	LQĐ	P22	8.50	7.00		15.50	
10	0640	Bùi Bảo Ngọc Lâm		BM	BM	P22	5.00	5.50		10.50	
11	0641	Bùi Khắc Duy Lâm		ĐVT	VTs	P22	8.00	7.50		15.50	
12	0642	Bùi Tùng Lâm		NLB	VTs	P22	9.00	8.50		17.50	
13	0643	Cao Tuệ Lâm		ToH	LQĐ	P22	6.50	7.25		13.75	
14	0644	Đàm Thanh Lâm		BM	BM	P22	3.50	3.50		7.00	
15	0645	Đặng Tùng Lâm		TB	LQĐ	P22	5.50	7.00		12.50	
16	0646	Đào Hải Lâm		ToH	LQĐ	P22	9.00	7.50		16.50	
17	0647	Đào Quang Lâm		HT	BM	P22	8.50	4.00		12.50	
18	0648	Đào Tùng Lâm		NgC	VTs	P22	6.50	6.75		13.25	
19	0649	Đinh Vũ Hải Lâm		ToH	VTs	P22	6.50	7.75		14.25	
20	0650	Đỗ Đức Lâm		BM	LQĐ	P22	7.50	5.00		12.50	
21	0651	Đỗ Hoàng Lâm		SM	LQĐ	P22	8.50	7.50		16.00	
22	0652	Đỗ Hữu Lâm		LTT	LQĐ	P22	8.50	7.50		16.00	
23	0653	Đỗ Tuệ Lâm		BM	BM	P22	7.00	8.25		15.25	
24	0654	Đỗ Vũ Tùng Lâm		NLB	BM	P22	7.50	7.50		15.00	
25	0655	Đoàn Tùng Lâm		ThB	LQĐ	P22	7.13	7.50		14.63	
26	0656	Đồng Tuệ Lâm		HT	VTs	P22	7.00	8.50		15.50	
27	0657	Dương Nhật Lâm		NT	LQĐ	P22	9.00	8.00		17.00	
28	0658	Hoa Quỳnh Lâm		ToH	VTs	P22	7.50	6.25		13.75	
29	0659	Hòa Quang Lâm		BM	BM	P22	9.00	7.50		16.50	
30	0660	Lã Bảo Lâm		SM	LQĐ	P22	7.75	7.50		15.25	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0661	Lê Phi Lâm		NLB	LQĐ	P23	8.25	8.00		16.25	
2	0662	Lê Thái Lâm		PL	VTS	P23	7.50	7.50		15.00	
3	0663	Lê Tùng Lâm		BM	BM	P23	6.25	6.00		12.25	
4	0664	Lương Duy Lâm		BM	LQĐ	P23	8.63	7.75		16.38	
5	0665	Mạc Nguyễn Tuệ Lâm		LTT	VTS	P23	6.25	7.25		13.50	
6	0666	Ngô Bảo Lâm		ThB	VTS	P23	7.75	8.25		16.00	
7	0667	Nguyễn Đăng Hà Lâm		NT	BM	P23	3.25	7.25		10.50	
8	0668	Nguyễn Danh Lâm		ĐQC	VTS	P23	6.50	5.75		12.25	
9	0669	Nguyễn Đỗ Tùng Lâm		BM	BM	P23	7.50	6.75		14.25	
10	0670	Nguyễn Hà Lâm		TT	LQĐ	P23	7.50	6.25		13.75	
11	0671	Nguyễn Khải Lâm		LTT	VTS	P23	9.00	8.00		17.00	
12	0672	Nguyễn Khánh Lâm		CT	LQĐ	P23	9.00	7.25		16.25	
13	0673	Nguyễn Khánh Lâm		BM	VTS	P23	8.25	6.75		15.00	
14	0674	Nguyễn Lê Bảo Lâm		TB	BM	P23	6.75	7.75		14.50	
15	0675	Nguyễn Phúc Lâm		ThB	LQĐ	P23	9.00	7.75		16.75	
16	0676	Nguyễn Phúc Lâm		HT	VTS	P23	5.00	7.50		12.50	
17	0677	Nguyễn Quang Lâm		PL	LQĐ	P23	5.25	5.00		10.25	
18	0678	Nguyễn Thanh Lâm		ThB	LQĐ	P23	7.00	8.25		15.25	
19	0679	Nguyễn Thu Lâm		ToH	LQĐ	P23	9.00	8.25		17.25	
20	0680	Nguyễn Tùng Lâm		NLB	LQĐ	P23	7.50	6.75		14.25	
21	0681	Nguyễn Tùng Lâm		SM	VTS	P23	8.00	7.50		15.50	
22	0682	Nguyễn Tùng Lâm		ToH	VTS	P23	7.25	6.75		14.00	
23	0683	Nguyễn Tùng Lâm		SM	VTS	P23	6.50	4.00		10.50	
24	0684	Nguyễn Tùng Lâm		ThB	VTS	P23	6.50	6.50		13.00	
25	0685	Nguyễn Viết Lâm		ThB	LQĐ	P23	7.75	5.75		13.50	
26	0686	Phạm Đức Bảo Lâm		ToH	VTS	P23	8.00	6.25		14.25	
27	0687	Phạm Khánh Lâm		LTT	BM	P23	7.75	7.50		15.25	
28	0688	Phạm Sơn Lâm		HT	VTS	P23	5.50	4.50		10.00	
29	0689	Phạm Tùng Lâm		TB	BM	P23	6.50	4.75		11.25	
30	0690	Phạm Tùng Lâm		SM	LQĐ	P23	9.00	7.75		16.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2024-2025

Phòng số 24

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0691	Phạm Tùng Lâm		BM	VTS	P24	7.50	6.50		14.00	
2	0692	Phạm Tùng Lâm		TB	VTS	P24	5.50	6.75		12.25	
3	0693	Phạm Vũ Tùng Lâm		BM	BM	P24	7.50	8.00		15.50	
4	0694	Phan Bảo Lâm		LTT	BM	P24	6.00	6.00		12.00	
5	0695	Trần Bảo Lâm		ĐVT	VTS	P24	7.00	8.50		15.50	
6	0696	Trần Đức Lâm		TB	BM	P24	7.25	7.00		14.25	
7	0697	Trịnh Phúc Lâm		HT	VTS	P24	8.25	7.00		15.25	
8	0698	Uông Tùng Lâm		LTT	LQĐ	P24	8.50	8.25		16.75	
9	0699	Vũ Đức Lâm		VTS	LQĐ	P24	8.25	8.50		16.75	
10	0700	Vũ Huy Lâm		BM	LQĐ	P24	4.75	6.75		11.50	
11	0701	Nguyễn Hoàng Lan		TB	VTS	P24	6.75	6.50		13.25	
12	0702	Trần Mai Lan		BM	LQĐ	P24	8.25	8.50		16.75	
13	0703	Bùi Hà Linh		ThB	BM	P24	7.25	5.00		12.25	
14	0704	Bùi Hương Hà Linh		BM	BM	P24	7.25	8.00		15.25	
15	0705	Đặng Khánh Linh		SM	VTS	P24	8.00	6.50		14.50	
16	0706	Đinh Gia Linh		TH	VTS	P24	6.75	6.00		12.75	
17	0707	Đinh Ngọc Linh		SM	VTS	P24	7.75	8.00		15.75	
18	0708	Đỗ Hà Linh		NgC	VTS	P24	4.00	8.00		12.00	
19	0709	Đỗ Khánh Linh		TH	BM	P24	7.25	5.75		13.00	
20	0710	Đỗ Khánh Linh		NT	VTS	P24	7.25	6.75		14.00	
21	0711	Đỗ Lương Ngọc Linh		CT	BM	P24	6.25	7.50		13.75	
22	0712	Đỗ Nguyễn Khánh Linh		ToH	VTS	P24	5.75	7.50		13.25	
23	0713	Đỗ Trang Linh		NLB	VTS	P24	5.50	7.00		12.50	
24	0714	Đoàn Gia Linh		BM	BM	P24	2.00	5.75		7.75	
25	0715	Đoàn Ngọc Linh		NLB	LQĐ	P24	8.25	8.25		16.50	
26	0716	Hà Khánh Linh		LTT	LQĐ	P24	7.75	7.75		15.50	
27	0717	Hà Nguyễn Phương Linh		ThB	BM	P24	5.00	2.75		7.75	
28	0718	Hoàng Khánh Linh		BM	BM	P24	7.25	7.75		15.00	
29	0719	Kiều Gia Linh		ToH	LQĐ	P24	8.25	7.50		15.75	
30	0720	Lê Bảo Linh		BM	VTS	P24	8.75	7.00		15.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0721	Lê Nguyễn Thảo Linh		LTT	BM	P25	7.00	8.00		15.00	
2	0722	Lê Vũ Hà Linh		HT	VTs	P25	7.50	6.25		13.75	
3	0723	Nghiêm Tú Linh		ThB	LQĐ	P25	7.75	8.25		16.00	
4	0724	Nguyễn Bảo Linh		TK	BM	P25	4.50	7.50		12.00	
5	0725	Nguyễn Bùi Khánh Linh		Amanaki	VTs	P25	4.50	6.25		10.75	
6	0726	Nguyễn Diệu Linh		NT	BM	P25	6.00	8.00		14.00	
7	0727	Nguyễn Dương Khánh Linh		NT	LQĐ	P25	9.00	8.50		17.50	
8	0728	Nguyễn Gia Linh		NT	BM	P25	6.00	6.75		12.75	
9	0729	Nguyễn Gia Linh		BM	BM	P25	7.00	7.25		14.25	
10	0730	Nguyễn Hoàng Linh		BM	BM	P25	5.00	5.25		10.25	
11	0731	Nguyễn Khánh Linh		LTT	BM	P25	8.00	9.00		17.00	
12	0732	Nguyễn Khánh Linh		NLB	LQĐ	P25	8.25	8.00		16.25	
13	0733	Nguyễn Khánh Linh		VTs	VTs	P25	4.75	7.00		11.75	
14	0734	Nguyễn Ngọc Nhật Linh		ĐVT	LQĐ	P25	7.75	8.25		16.00	
15	0735	Nguyễn Phan Yến Linh		BM	LQĐ	P25	7.50	8.25		15.75	
16	0736	Nguyễn Phương Linh		BM	BM	P25	7.75	7.50		15.25	
17	0737	Nguyễn Phương Tiểu Linh		TK	LQĐ	P25	3.00	5.75		8.75	
18	0738	Nguyễn Phương Linh		VTs	VTs	P25	8.50	5.25		13.75	
19	0739	Nguyễn Thị Tuệ Linh		TB	BM	P25	3.50	7.75		11.25	
20	0740	Nguyễn Thị Ngọc Linh		CVA	BM	P25	7.00	6.50		13.50	
21	0741	Nguyễn Thị Yến Linh		SM	VTs	P25	6.50	3.50		10.00	
22	0742	Nguyễn Thị Tùng Linh		SM	VTs	P25	6.75	4.50		11.25	
23	0743	Nguyễn Thuý Linh		HT	VTs	P25	8.25	8.00		16.25	
24	0744	Nguyễn Trần Hà Linh		CT	BM	P25	6.00	7.75		13.75	
25	0745	Phạm Bảo Linh		NT	VTs	P25	7.50	8.25		15.75	
26	0746	Phạm Gia Linh		HT	VTs	P25	6.75	8.75		15.50	
27	0747	Phạm Hà Linh		ThB	BM	P25	4.50	5.50		10.00	
28	0748	Phạm Hà Linh		VTs	VTs	P25	6.50	7.75		14.25	
29	0749	Phạm Khánh Linh		NgC	VTs	P25	7.50	5.25		12.75	
30	0750	Phạm Ngọc Linh		ĐQC	VTs	P25	6.50	7.25		13.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0751	Phạm Phương Linh		BM	BM	P26	7.50	7.75		15.25	
2	0752	Phạm Song Linh		LTT	LQĐ	P26	8.00	8.75		16.75	
3	0753	Phạm Trần Gia Linh		BH	BM	P26	5.25	7.00		12.25	
4	0754	Phan Trúc Linh		Ngc	VTS	P26	5.75	7.75		13.50	
5	0755	Trần Gia Linh		NT	BM	P26	8.50	8.75		17.25	
6	0756	Trần Ngọc Linh		NT	VTS	P26	4.50	7.50		12.00	
7	0757	Trần Nguyễn Khánh Linh		SM	VTS	P26	8.75	8.00		16.75	
8	0758	Trần Tuệ Linh		ToH	LQĐ	P26	9.00	8.00		17.00	
9	0759	Vũ Khánh Linh		LTT	LQĐ	P26	8.25	8.50		16.75	
10	0760	Vũ Khánh Linh		LTT	VTS	P26	4.50	7.75		12.25	
11	0761	Vũ Khánh Linh		CVA	VTS	P26	7.00	7.25		14.25	
12	0762	Nguyễn Thị Thanh Loan		CT	BM	P26	7.50	6.00		13.50	
13	0763	Đào Phúc Lộc		LTT	BM	P26	7.00	7.00		14.00	
14	0764	Bạch Hải Long		VTS	VTS	P26	5.75	4.00		9.75	
15	0765	Mai Thế Long		ThB	LQĐ	P26	8.00	7.75		15.75	
16	0766	Nguyễn Bảo Long		ThB	BM	P26	6.50	7.75		14.25	
17	0767	Nguyễn Bảo Long		HT	BM	P26	8.75	8.25		17.00	
18	0768	Nguyễn Bảo Long		ThB	LQĐ	P26	6.50	6.50		13.00	
19	0769	Nguyễn Dương Minh Long		BM	BM	P26	8.00	6.75		14.75	
20	0770	Nguyễn Quang Long		ThB	LQĐ	P26	6.50	7.50		14.00	
21	0771	Trần Bảo Long		NgC	VTS	P26	5.50	5.75		11.25	
22	0772	Trần Tuấn Long		ĐQC	VTS	P26	7.25	5.75		13.00	
23	0773	Tường Duy Tuấn Long		ToH	VTS	P26	7.50	6.75		14.25	
24	0774	Hồ Nguyễn Mai Ly		SM	LQĐ	P26	8.50	8.00		16.50	
25	0775	Phạm Khánh Ly		CT	LQĐ	P26	8.25	8.25		16.50	
26	0776	Bùi Phương Mai		BM	BM	P26	7.50	6.25		13.75	
27	0777	Đào Quỳnh Mai		TM	LQĐ	P26	5.00	6.50		11.50	
28	0778	Đỗ Ngọc Mai		BM	VTS	P26	4.25	7.50		11.75	
29	0779	Đỗ Thị Ngọc Mai		BM	BM	P26	7.50	8.50		16.00	
30	0780	Hoàng Thanh Mai		LTT	LQĐ	P26	8.00	8.75		16.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0781	Hoàng Vũ Nhật Mai		LTT	BM	P27	7.25	8.00		15.25	
2	0782	Lê Quỳnh Mai		HT	VTS	P27	7.50	7.50		15.00	
3	0783	Nguyễn Ngọc Mai		HT	BM	P27	6.50	6.00		12.50	
4	0784	Nguyễn Như Uyên Mai		ThB	LQĐ	P27	8.25	7.00		15.25	
5	0785	Nguyễn Quỳnh Mai		BM	LQĐ	P27	4.00	6.50		10.50	
6	0786	Nguyễn Thanh Mai		NLB	BM	P27	3.50	6.50		10.00	
7	0787	Nguyễn Trương Ngọc Mai		TB	LQĐ	P27	6.50	8.00		14.50	
8	0788	Phạm Ngọc Mai		SM	VTS	P27	8.37	8.50		16.87	
9	0789	Phạm Phương Mai		NLB	BM	P27	6.00	8.00		14.00	
10	0790	Trần Ngọc Mai		BH	BM	P27	7.25	7.50		14.75	
11	0791	Vũ Hoàng Ngọc Mai		LTT	LQĐ	P27	6.00	8.75		14.75	
12	0792	Vũ Ngọc Mai		VH	BM	P27	6.50	6.75		13.25	
13	0793	Vũ Thanh Mai		TB	VTS	P27	6.25	8.00		14.25	
14	0794	Nguyễn Đức Mạnh		BM	BM	P27	3.50	6.00		9.50	
15	0795	Nguyễn Vũ Si Mi		NT	BM	P27	9.00	8.50		17.50	
16	0796	Bùi Hải Minh		HT	VTS	P27	8.00	7.50		15.50	
17	0797	Bùi Nguyễn Thảo Minh		NgC	LQĐ	P27	8.00	8.50		16.50	
18	0798	Bùi Quang Nhật Minh		ToH	VTS	P27	7.25	6.50		13.75	
19	0799	Bùi Tiến Minh		NT	VTS	P27	8.25	7.75		16.00	
20	0800	Đào Mạc Ngọc Minh		BM	LQĐ	P27	7.00	8.25		15.25	
21	0801	Đào Nhật Minh		NLB	BM	P27	6.00	6.75		12.75	
22	0802	Đào Quang Minh		LTT	VTS	P27	7.00	5.50		12.50	
23	0803	Đinh Hoàng Minh		NgC	VTS	P27	8.50	7.50		16.00	
24	0804	Đỗ Thái Minh		SM	VTS	P27	7.25	5.25		12.50	
25	0805	Hoàng Nhật Minh		ĐVT	BM	P27	8.00	6.75		14.75	
26	0806	Kiều Tuấn Minh		ThB	BM	P27	8.25	8.00		16.25	
27	0807	Lê Công Minh		AQ	VTS	P27	5.50	4.50		10.00	
28	0808	Lê Phạm Nhật Minh		TB	LQĐ	P27	9.00	6.75		15.75	
29	0809	Nguyễn Anh Minh		VH	VTS	P27	5.00	5.75		10.75	
30	0810	Nguyễn Cao Bình Minh		TB	LQĐ	P27	8.50	7.50		16.00	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Điện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0811	Nguyễn Đăng Minh		CVA	LQĐ	P28	6.50	7.00		13.50	
2	0812	Nguyễn Đức Minh		NT	LQĐ	P28	6.75	7.50		14.25	
3	0813	Nguyễn Đức Anh Minh		ToH	VTs	P28	8.88	4.50		13.38	
4	0814	Nguyễn Duy Minh		NĐ	VTs	P28	7.00	6.25		13.25	
5	0815	Nguyễn Hoàng Minh		BM	BM	P28	8.00	7.50		15.50	
6	0816	Nguyễn Hoàng Tuấn Minh		ThB	LQĐ	P28	7.00	8.25		15.25	
7	0817	Nguyễn Lê Minh		ToH	VTs	P28	8.75	7.25		16.00	
8	0818	Nguyễn Lương Bảo Minh		VH	BM	P28	5.25	4.50		9.75	
9	0819	Nguyễn Nhật Minh		VTs	VTs	P28	6.50	5.50		12.00	
10	0820	Nguyễn Thành Minh		ThB	LQĐ	P28	8.50	8.25		16.75	
11	0821	Nguyễn Thị Phương Minh		BM	BM	P28	5.50	8.25		13.75	
12	0822	Nguyễn Thu Minh		TB	VTs	P28	7.50	6.25		13.75	
13	0823	Nguyễn Tiến Minh		TB	BM	P28	6.75	6.75		13.50	
14	0824	Nguyễn Tiến Minh		ThB	BM	P28	7.00	5.00		12.00	
15	0825	Nguyễn Tuấn Minh		ThB	LQĐ	P28	8.50	8.00		16.50	
16	0826	Nguyễn Tuệ Minh		TK	LQĐ	P28	8.00	8.75		16.75	
17	0827	Nguyễn Tuệ Minh		NT	VTs	P28	7.50	8.00		15.50	
18	0828	Phạm Lương Minh Minh		LTT	BM	P28	5.00	8.00		13.00	
19	0829	Phạm Quang Minh		TB	LQĐ	P28	7.50	6.50		14.00	
20	0830	Phạm Quang Minh		VTs	VTs	P28	7.75	7.75		15.50	
21	0831	Phạm Thị Hồng Minh		TB	LQĐ	P28	7.75	7.75		15.50	
22	0832	Tăng Đức Minh		TK	VTs	P28	7.00	6.75		13.75	
23	0833	Trần Bảo Minh		NT	LQĐ	P28	7.50	7.50		15.00	
24	0834	Trần Nguyễn Châu Minh		LTT	VTs	P28	7.50	9.00		16.50	
25	0835	Trần Thị Hà Minh		ThB	LQĐ	P28	8.25	7.75		16.00	
26	0836	Trần Tuệ Minh		NLB	LQĐ	P28	8.50	8.00		16.50	
27	0837	Vũ Gia Minh		HT	BM	P28	7.50	5.25		12.75	
28	0838	Vũ Nhật Minh		TH	BM	P28	7.75	6.00		13.75	
29	0839	Vũ Quang Minh		ĐVT	BM	P28	7.50	6.25		13.75	
30	0840	Vũ Thị Minh Minh		ĐVT	BM	P28	7.50	7.25		14.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0841	Đàm Vũ Hà My		VTs	VTs	P29	5.50	6.00		11.50	
2	0842	Đinh Nguyễn Trà My		ĐVT	BM	P29	8.00	7.25		15.25	
3	0843	Đỗ Hà My		BM	VTs	P29	4.50	5.00		9.50	
4	0844	Lê Diễm My		BM	LQĐ	P29	6.00	7.50		13.50	
5	0845	Lê Vũ Hà My		VTs	VTs	P29	5.50	5.25		10.75	
6	0846	Nguyễn Diệu My		LTT	VTs	P29	7.50	7.50		15.00	
7	0847	Nguyễn Lê Thảo My		ThB	LQĐ	P29	4.50	6.00		10.50	
8	0848	Nguyễn Thảo My		TK	BM	P29	7.50	5.50		13.00	
9	0849	Nguyễn Trà My		VTs	BM	P29	8.00	6.50		14.50	
10	0850	Nguyễn Vũ Hà My		BM	BM	P29	4.50	5.25		9.75	
11	0851	Phạm Hà My		ThB	LQĐ	P29	6.75	7.00		13.75	
12	0852	Phạm Hà My		NLB	VTs	P29	7.75	7.25		15.00	
13	0853	Trương Ngọc Hà My		HT	VTs	P29	6.00	4.50		10.50	
14	0854	Vũ Khánh My		LTT	LQĐ	P29	7.00	7.75		14.75	
15	0855	Vũ Ngọc Diễm My		NgC	VTs	P29	7.50	7.00		14.50	
16	0856	Vũ Nguyễn Trà My		BH	BM	P29	4.00	4.50		8.50	
17	0857	Phạm Thế Mỹ		ThB	BM	P29	7.25	6.00		13.25	
18	0858	Lê Mi Na		LTT	LQĐ	P29	8.25	8.50		16.75	
19	0859	Bùi Thành Nam		TQT	VTs	P29	7.25	6.50		13.75	
20	0860	Đỗ Hải Nam		BM	BM	P29	6.00	3.75		9.75	
21	0861	Đỗ Văn Tiến Nam		TH	VTs	P29	6.50	2.00		8.50	
22	0862	Đoàn Hải Nam		BM	LQĐ	P29	6.25	3.75		10.00	
23	0863	Hoàng Bảo Nam		ThB	BM	P29	7.00	6.75		13.75	
24	0864	Hoàng Khánh Nam		NT	VTs	P29	8.25	4.00		12.25	
25	0865	Lê Duy Bảo Nam		NT	VTs	P29	7.75	7.00		14.75	
26	0866	Lê Sơn Bảo Nam		ThB	BM	P29	7.25	6.50		13.75	
27	0867	Lý Hoàng Nam		TQT	LQĐ	P29	8.00	5.25		13.25	
28	0868	Nguyễn Bảo Nam		NLB	BM	P29	6.50	6.00		12.50	
29	0869	Nguyễn Bảo Nam		SM	VTs	P29	6.75	3.75		10.50	
30	0870	Nguyễn Bảo Nam		SM	VTs	P29	9.00	7.75		16.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0871	Nguyễn Đạo Bảo Nam		NT	VTS	P30	6.00	5.25		11.25	
2	0872	Nguyễn Duy Nam		VH	BM	P30	5.50	5.50		11.00	
3	0873	Nguyễn Hải Nam		NgC	VTS	P30	5.50	6.50		12.00	
4	0874	Nguyễn Quốc Bảo Nam		ThB	LQĐ	P30	7.75	6.75		14.50	
5	0875	Nguyễn Thế Nam		NT	BM	P30	7.75	6.75		14.50	
6	0876	Nguyễn Trọng Hải Nam		VTS	VTS	P30	7.25	5.75		13.00	
7	0877	Nguyễn Văn Nam		NS	VTS	P30	7.00	5.75		12.75	
8	0878	Nhữ Đình Hải Nam		LTT	LQĐ	P30	7.75	7.25		15.00	
9	0879	Phạm Bảo Nam		ThB	LQĐ	P30	8.00	8.25		16.25	
10	0880	Thái Xuân Nam		BM	BM	P30	7.38	6.75		14.13	
11	0881	Thân Bảo Nam		ThB	BM	P30	6.50	7.50		14.00	
12	0882	Trần Bảo Nam		TM	LQĐ	P30	8.25	7.75		16.00	
13	0883	Trịnh Bảo Nam		VTS	VTS	P30	6.50	4.75		11.25	
14	0884	Vũ Nguyễn Bảo Nam		LTT	LQĐ	P30	9.50	7.75		17.25	
15	0885	Vũ Thành Nam		SM	VTS	P30	7.00	7.00		14.00	
16	0886	Bùi Thuý Nga		Ngc	VTS	P30	6.00	7.50		13.50	
17	0887	Đào Linh Nga		ThB	LQĐ	P30	6.50	5.00		11.50	
18	0888	Nguyễn Phương Nga		ThB	LQĐ	P30	7.50	7.25		14.75	
19	0889	Bùi Thị Kim Ngân		CT	BM	P30	6.25	8.50		14.75	
20	0890	Bùi Thị Kim Ngân		BH	BM	P30	5.75	2.50		8.25	
21	0891	Đỗ Phạm Khánh Ngân		CVA	VTS	P30	6.50	6.00		12.50	
22	0892	Đỗ Thị Kim Ngân		ThB	BM	P30	3.00	5.50		8.50	
23	0893	Dư Bảo Ngân		VTS	VTS	P30	7.50	7.75		15.25	
24	0894	Hoàng Kim Ngân		LTT	LQĐ	P30	8.25	7.50		15.75	
25	0895	Khương Thị Kim Ngân		ThB	LQĐ	P30	4.50	6.00		10.50	
26	0896	Nguyễn Bảo Ngân		NT	LQĐ	P30	8.50	8.25		16.75	
27	0897	Nguyễn Bảo Ngân		LTT	VTS	P30	7.50	6.00		13.50	
28	0898	Nguyễn Đoàn Kim Ngân		ThB	LQĐ	P30	7.00	7.50		14.50	
29	0899	Nguyễn Khả Ngân		LTT	LQĐ	P30	7.50	7.75		15.25	
30	0900	Nguyễn Khánh Kim Ngân		NLB	BM	P30	4.00	5.50		9.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6
NĂM HỌC 2024-2025

Phòng số 31

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0901	Nguyễn Kim Ngân		HT	BM	P31	4.50	7.00		11.50	
2	0902	Nguyễn Kim Ngân		LTT	BM	P31	6.50	7.50		14.00	
3	0903	Nguyễn Kim Ngân		HT	VTs	P31	6.25	5.75		12.00	
4	0904	Nguyễn Kim Ngân		HT	VTs	P31	7.50	8.00		15.50	
5	0905	Nguyễn Kim Ngân		TQT	VTs	P31	6.25	7.75		14.00	
6	0906	Nguyễn Mai Ngân		VTs	VTs	P31	7.25	7.50		14.75	
7	0907	Nguyễn Thị Kim Ngân		ToH	BM	P31	6.00	5.50		11.50	
8	0908	Nguyễn Thị Kim Ngân		SM	VTs	P31	6.50	5.75		12.25	
9	0909	Phạm Ngọc Kim Ngân		Amanaki	VTs	P31	3.00	5.50		8.50	
10	0910	Tăng Khánh Ngân		NgC	VTs	P31	8.00	8.50		16.50	
11	0911	Trần Bảo Ngân		ThB	LQĐ	P31	6.75	7.50		14.25	
12	0912	Trần Thiên Hoàng Ngân		TB	BM	P31	7.25	6.50		13.75	
13	0913	Trương Hồ Thu Ngân		HT	VTs	P31	8.00	8.00		16.00	
14	0914	Vũ Quỳnh Ngân		NT	LQĐ	P31	9.50	8.50		18.00	
15	0915	Vũ Thu Ngân		SM	BM	P31	8.50	6.75		15.25	
16	0916	Bùi Trung Nghĩa		NT	LQĐ	P31	8.50	6.75		15.25	
17	0917	Chu Hồng Tuấn Nghĩa		NLB	LQĐ	P31	9.25	7.25		16.50	
18	0918	Đoàn Tuấn Nghĩa		LTT	VTs	P31	8.50	3.75		12.25	
19	0919	Lê Trọng Nghĩa		HT	VTs	P31	5.00	6.00		11.00	
20	0920	Lê Trung Nghĩa		ThB	LQĐ	P31	7.25	8.00		15.25	
21	0921	Nguyễn Hiếu Nghĩa		NLB	LQĐ	P31	8.00	6.75		14.75	
22	0922	Vương Tuấn Nghĩa		NT	LQĐ	P31	7.25	5.25		12.50	
23	0923	Trịnh Đình Nghiệp		ĐVT	BM	P31	7.50	6.75		14.25	
24	0924	Bùi Bảo Ngọc		TB	BM	P31	5.25	6.75		12.00	
25	0925	Bùi Minh Ngọc		SM	BM	P31	6.00	4.75		10.75	
26	0926	Bùi Minh Ngọc		ThB	LQĐ	P31	6.50	7.50		14.00	
27	0927	Đặng Minh Ngọc		ToH	BM	P31	7.50	7.00		14.50	
28	0928	Đinh Bảo Ngọc		NT	VTs	P31	3.00	4.25		7.25	
29	0929	Hà Huyền Ngọc		BM	BM	P31	4.50	7.75		12.25	
30	0930	Hoàng Bích Ngọc		CT	BM	P31	6.75	8.75		15.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0931	Lê Hồng Ngọc		ToH	BM	P32	8.00	7.50		15.50	
2	0932	Ngô Bảo Ngọc		HT	VTS	P32	7.75	7.00		14.75	
3	0933	Nguyễn Bảo Ngọc		ĐVT	BM	P32	7.50	8.75		16.25	
4	0934	Nguyễn Bùi Khánh Ngọc		NLB	LQĐ	P32	7.00	8.50		15.50	
5	0935	Nguyễn Khánh Ngọc		TB	LQĐ	P32	7.50	7.75		15.25	
6	0936	Ninh Bảo Ngọc		ToH	LQĐ	P32	7.00	8.75		15.75	
7	0937	Phạm Bảo Ngọc		TQT	LQĐ	P32	5.50	8.00		13.50	
8	0938	Phạm Khánh Ngọc		BM	BM	P32	8.00	8.00		16.00	
9	0939	Phạm Khánh Ngọc		TB	LQĐ	P32	6.00	6.75		12.75	
10	0940	Phạm Thị Minh Ngọc		CT	BM	P32	8.25	8.50		16.75	
11	0941	Phạm Vũ Minh Ngọc		HT	VTS	P32	6.50	8.00		14.50	
12	0942	Phan Minh Ngọc		ĐQC	VTS	P32	5.50	6.25		11.75	
13	0943	Trần Khánh Ngọc		HT	VTS	P32	7.50	7.00		14.50	
14	0944	Trần Thị Bảo Ngọc		HT	VTS	P32	2.50	6.50		9.00	
15	0945	Vũ Bảo Ngọc		ThB	BM	P32	7.75	8.00		15.75	
16	0946	Vũ Cẩm Ngọc		BM	VTS	P32				0.00	
17	0947	Vũ Khánh Ngọc		ThB	LQĐ	P32	6.75	6.75		13.50	
18	0948	Vũ Khánh Ngọc		HT	VTS	P32	5.50	7.25		12.75	
19	0949	Vũ Kim Ngọc		LTT	LQĐ	P32	6.50	8.50		15.00	
20	0950	Vũ Quang Ngọc		LTT	BM	P32	6.50	7.00		13.50	
21	0951	Vương Hồng Ngọc		VH	LQĐ	P32	6.50	7.50		14.00	
22	0952	An Phúc Khôi Nguyên		NT	LQĐ	P32	7.00	7.50		14.50	
23	0953	Bùi Khôi Nguyên		CVA	BM	P32	6.75	7.25		14.00	
24	0954	Bùi Nguyễn Khải Nguyên		NLB	LQĐ	P32	7.50	8.50		16.00	
25	0955	Bùi Nguyễn Khôi Nguyên		NLB	LQĐ	P32	8.00	8.00		16.00	
26	0956	Bùi Thanh Nguyên		NLB	BM	P32	4.88	6.50		11.38	
27	0957	Cao Nguyễn An Nguyên		ThB	LQĐ	P32	7.00	8.50		15.50	
28	0958	Đinh Nguyễn Bảo Nguyên		ThB	LQĐ	P32	8.50	7.50		16.00	
29	0959	Đỗ Xuân Khôi Nguyên		NT	BM	P32	5.50	7.00		12.50	
30	0960	Hoàng Trung Nguyên		HT	VTS	P32	8.00	6.25		14.25	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0961	Lê Khôi Nguyên		BM	VTS	P33	6.50	4.75		11.25	
2	0962	Nguyễn Bảo Nguyên		CVA	LQĐ	P33	6.00	6.50		12.50	
3	0963	Nguyễn Bảo Nguyên		ĐQC	VTS	P33	7.00	6.00		13.00	
4	0964	Nguyễn Khôi Nguyên		ToH	LQĐ	P33	7.00	7.25		14.25	
5	0965	Nguyễn Mai Thảo Nguyên		ThB	LQĐ	P33	7.75	7.75		15.50	
6	0966	Nguyễn Ngọc Bảo Nguyên		BM	LQĐ	P33	7.50	7.75		15.25	
7	0967	Nguyễn Phúc Nguyên		NgC	VTS	P33	7.50	7.00		14.50	
8	0968	Nguyễn Tùng Nguyên		TB	LQĐ	P33	9.00	7.75		16.75	
9	0969	Nguyễn Vũ Thảo Nguyên		ThB	LQĐ	P33	7.50	8.25		15.75	
10	0970	Phạm Bảo Quyên		NT	BM	P33	4.50	6.25		10.75	
11	0971	Phạm Khôi Nguyên		ThB	BM	P33	4.50	6.50		11.00	
12	0972	Phạm Thảo Nguyên		BM	BM	P33	6.00	6.00		12.00	
13	0973	Phạm Trung Nguyên		TB	BM	P33	7.75	6.00		13.75	
14	0974	Phạm Tuệ Nguyên		NgC	VTS	P33	8.50	8.25		16.75	
15	0975	Trịnh Khôi Nguyên		LTT	BM	P33	8.00	8.00		16.00	
16	0976	Vũ Đức Khôi Nguyên		NgC	VTS	P33	7.50	7.75		15.25	
17	0977	Vũ Khôi Nguyên		NgC	LQĐ	P33	9.00	8.00		17.00	
18	0978	Vũ Nguyễn Thảo Nguyên		ThB	BM	P33	6.00	6.50		12.50	
19	0979	Đỗ Diệp Minh Nhật		NgC	VTS	P33	7.50	6.25		13.75	
20	0980	Vũ Đình Minh Nhật		NT	BM	P33	5.00	5.25		10.25	
21	0981	Cao Phương Nhi		TK	VTS	P33	6.50	6.75		13.25	
22	0982	Đặng Thảo Nhi		BM	BM	P33	8.00	7.25		15.25	
23	0983	Đinh Phương Nhi		LTT	BM	P33	6.50	6.00		12.50	
24	0984	Đinh Yến Nhi		CT	BM	P33	7.00	7.50		14.50	
25	0985	Dương Thị Thủy Nhi		BM	BM	P33	5.50	5.50		11.00	
26	0986	Lê Thị Yến Nhi		ThB	VTS	P33	7.00	6.50		13.50	
27	0987	Lương Yến Nhi		LTT	BM	P33	8.00	8.00		16.00	
28	0988	Nghiêm Yến Nhi		NT	BM	P33	7.50	8.50		16.00	
29	0989	Nguyễn Lâm Nhi		NLB	LQĐ	P33	6.00	7.00		13.00	
30	0990	Nguyễn Lâm Nhi		VTS	VTS	P33	6.50	8.00		14.50	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	0991	Nguyễn Lê Hiền Nhi		VTB	VTB	P34	7.50	7.75		15.25	
2	0992	Nguyễn Linh Nhi		HT	BM	P34	7.50	8.50		16.00	
3	0993	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi		NLB	BM	P34	6.00	6.75		12.75	
4	0994	Nguyễn Ngọc Nhi		SM	VTB	P34	8.00	8.50		16.50	
5	0995	Nguyễn Thảo Nhi		ThB	BM	P34	7.00	6.75		13.75	
6	0996	Nguyễn Thảo Hiền Nhi		TB	BM	P34	7.50	6.75		14.25	
7	0997	Nguyễn Tuệ Nhi		NT	VTB	P34	5.50	7.75		13.25	
8	0998	Nguyễn Văn Nhi		TM	LQĐ	P34	7.75	8.75		16.50	
9	0999	Phạm Tâm Nhi		ThB	LQĐ	P34	6.00	7.00		13.00	
10	1000	Phạm Trần Tuệ Nhi		HT	VTB	P34	7.50	6.00		13.50	
11	1001	Phạm Yến Nhi		SM	VTB	P34	7.00	5.25		12.25	
12	1002	Phạm Yến Nhi		PL	VTB	P34	4.50	7.75		12.25	
13	1003	Phùng Bảo Nhi		BH	BM	P34	3.00	6.50		9.50	
14	1004	Trần Bảo Nhi		ThB	LQĐ	P34	8.50	7.50		16.00	
15	1005	Trần Ngọc Nhi		LTT	BM	P34	8.88	7.50		16.38	
16	1006	Trần Ngọc Lâm Nhi		HT	VTB	P34	4.50	5.00		9.50	
17	1007	Trần Thảo Nhi		SM	VTB	P34	6.50	5.50		12.00	
18	1008	Trần Tuệ Nhi		LTT	LQĐ	P34	7.00	8.25		15.25	
19	1009	Đặng Tâm Như		SM	VTB	P34	8.50	6.75		15.25	
20	1010	Bùi Thị Cẩm Nhung		NgC	VTB	P34	7.63	7.75		15.38	
21	1011	Đỗ Thị Hồng Nhung		ToH	LQĐ	P34	8.25	8.50		16.75	
22	1012	Lê Hồng Nhung		ĐQC	VTB	P34	5.00	6.50		11.50	
23	1013	Phạm Ngọc Trang Nhung		HT	VTB	P34	6.50	5.75		12.25	
24	1014	Phạm Thị Hồng Nhung		BH	BM	P34	2.00	4.00		6.00	
25	1015	Phạm Đình Hải Ninh		BM	LQĐ	P34	7.25	8.00		15.25	
26	1016	Trịnh Trần Kim Oanh		ThB	LQĐ	P34	7.75	7.00		14.75	
27	1017	Trần Nguyên Phan		VTB	LQĐ	P34	7.50	7.75		15.25	
28	1018	Đỗ Tấn Phát		HT	VTB	P34	6.50	6.75		13.25	
29	1019	Đoàn Bằng Phi		BM	VTB	P34	8.25	6.25		14.50	
30	1020	Chu Minh Phong		ThB	LQĐ	P34	8.25	6.50		14.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh

ĐIỂM KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH DỰ TUYỂN LỚP 6

TT (P)	SBD	Họ và tên học sinh	Diện UT	Trường Tiểu học	Dự xét vào trường THCS	Phòng KT	ĐIỂM				Ghi chú
							Toán	T.Việt	Điểm UT	Tổng	
1	1021	Đặng Hoàng Phong		BM	BM	P35	7.00	6.00		13.00	
2	1022	Đào Bách Phong		TQT	VTs	P35	2.50	5.00		7.50	
3	1023	Đào Danh Nam Phong		TB	BM	P35	7.50	5.50		13.00	
4	1024	Đinh Hải Phong		CVA	LQĐ	P35	7.75	8.00		15.75	
5	1025	Đinh Quốc Phong		ToH	BM	P35	6.75	7.00		13.75	
6	1026	Hoàng Hải Phong		NT	BM	P35	7.00	6.75		13.75	
7	1027	Hoàng Hiếu Phong		BM	BM	P35	7.75	7.50		15.25	
8	1028	Hoàng Nam Phong		NĐ	VTs	P35	6.00	7.50		13.50	
9	1029	Lê Đăng Phong		NgC	VTs	P35	6.00	5.25		11.25	
10	1030	Lê Khắc Hồng Phong		NLB	LQĐ	P35	8.25	8.50		16.75	
11	1031	Lê Triệu Phong		SM	VTs	P35	7.75	6.75		14.50	
12	1032	Nguyễn Công Hải Phong		TH	VTs	P35	7.00	6.75		13.75	
13	1033	Nguyễn Danh Phong		ToH	VTs	P35	8.75	6.50		15.25	
14	1034	Nguyễn Đình Hải Phong		BH	LQĐ	P35	6.25	5.25		11.50	
15	1035	Nguyễn Đình Phong		HT	VTs	P35	7.50	7.75		15.25	
16	1036	Nguyễn Đức Phong		BM	BM	P35	5.50	7.50		13.00	
17	1037	Nguyễn Hà Phong		NT	BM	P35	6.50	7.00		13.50	
18	1038	Nguyễn Hải Phong		NĐ	BM	P35	8.00	6.50		14.50	
19	1039	Nguyễn Hải Phong		ToH	LQĐ	P35	7.25	5.75		13.00	
20	1040	Nguyễn Hải Phong		ToH	VTs	P35	6.75	6.00		12.75	
21	1041	Nguyễn Hải Phong		HT	VTs	P35	9.00	7.50		16.50	
22	1042	Nguyễn Nam Phong		HT	BM	P35	8.00	5.00		13.00	
23	1043	Nguyễn Tất Hà Phong		ThB	LQĐ	P35	5.75	4.50		10.25	
24	1044	Nguyễn Tuấn Phong		TB	BM	P35	7.00	5.25		12.25	
25	1045	Nguyễn Tuấn Phong		CT	VTs	P35	3.50	5.50		9.00	
26	1046	Nguyễn Xuân Phong		NT	BM	P35	7.00	5.50		12.50	
27	1047	Phạm Đức Phong		VH	BM	P35	5.00	6.50		11.50	
28	1048	Phạm Lâm Phong		TH	VTs	P35	8.50	6.25		14.75	
29	1049	Phạm Nam Phong		NT	LQĐ	P35	8.00	6.75		14.75	
30	1050	Phạm Nghĩa Phong		BH	LQĐ	P35	8.00	5.75		13.75	

TP. Hải Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2024
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Diệu Linh